

Quản lý di sản đô thị trong bối cảnh phát triển đô thị ở Việt Nam

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN CHO NHỮNG NHÀ HOẠCH ĐỊNH



Quản lý di sản đô thị trong bối cảnh phát triển đô thị ở Việt Nam

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN CHO NHỮNG NHÀ HOẠCH ĐỊNH

Xây dựng nội dung:

Donovan Rypkema, **Heritage Strategies International**

Lê Thành Vinh, **Viện Bảo tồn di tích**

Paul Rabe, **Urban Solutions**

Ester Van Steekelenburg, **Urban Solutions**

Trần Xuân Bách, **Urban Solutions**

David Brenner, **Urban Solutions**

Tống Thị Thu Lan, **Urban Solutions**

Huỳnh Phương Lan, **Viện Bảo tồn di tích**

Và các chuyên gia **Viện Bảo tồn Di tích**

Ban biên tập:

David Brenner, **Urban Solutions**

Paul Schuttenbelt, **Urban Solutions**

Lê Thành Vinh, **Viện Bảo tồn di tích**

Biên dịch:

Khoa Quốc tế học Trường Đại học Hà Nội

Thiết kế:

Nguyễn Văn Hậu

In ấn:

Công ty cổ phần Prosin

Giấy phép xuất bản số **253-2008/CXB/44-08/TN**

Viện Bảo tồn Di tích là cơ quan nghiên cứu và thực hiện việc bảo tồn các di sản trực thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Urban Solutions là công ty tư vấn giải pháp đô thị của Hà Lan, cung cấp dịch vụ tư vấn về vấn đề đô thị và bảo tồn di sản.

<http://www.urban-solutions.nl>, info@urban-solutions.nl

Tài liệu có sự tài trợ của tổ chức Giáo dục Hợp tác quốc tế Hà Lan (NUFFIC)



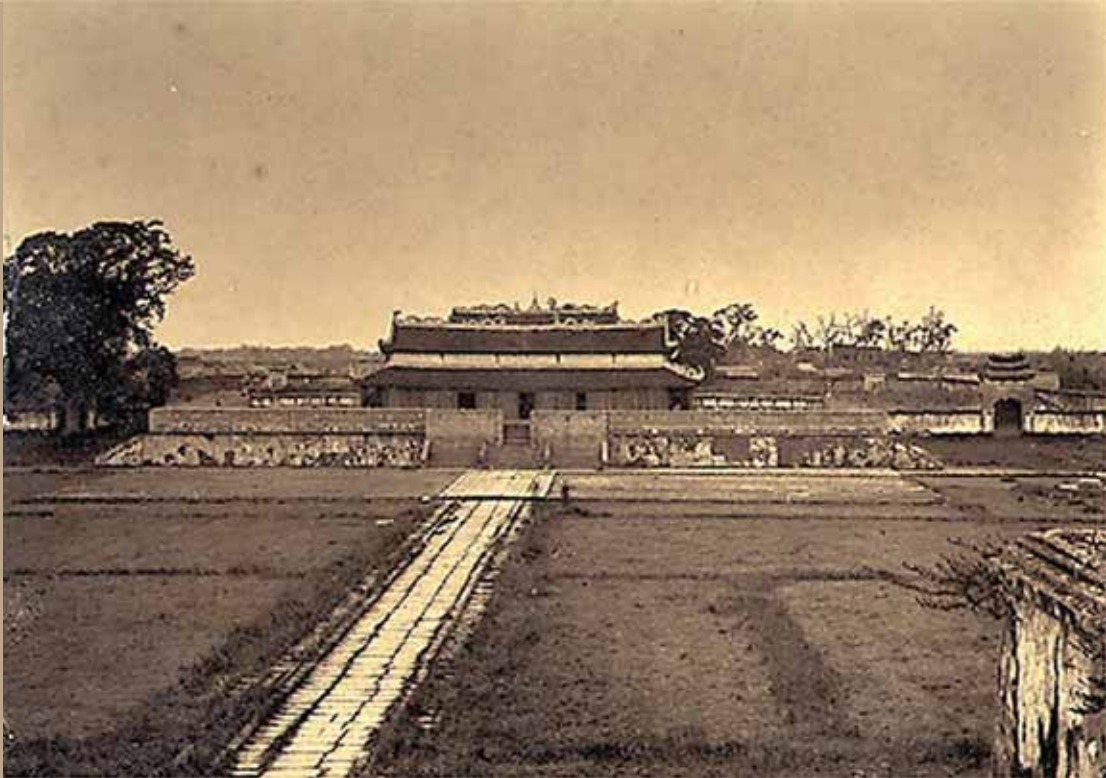
LỜI NÓI ĐẦU

Quá trình phát triển và hiện đại hóa các thành phố trên thế giới đã làm biến mất nhiều di sản. Đây không chỉ là điều đáng tiếc đối với các thành phố, quốc gia có di sản mà còn là sự tiếc nuối của toàn nhân loại. Quản lý di sản tổng thể trong phát triển đô thị sẽ nâng cao đời sống đô thị cho các khu vực có giá trị lịch sử nhờ những đóng góp vào nền kinh tế địa phương và bảo vệ những khu vực đó chứ không chỉ đưa chúng trở thành những bảo tàng mở.

Những di sản bao gồm các ngôi nhà, di tích, khu phố, quần thể các công trình xây dựng hay cảnh quan có giá trị nổi bật toàn cầu phản ánh quá trình phát triển của một cộng đồng. Những di tích còn lại của quá khứ mang đến những câu chuyện lịch sử sinh động, phong phú với giá trị giáo dục cao đối với người dân và những du khách, để hiểu và trân trọng hơn sự phát triển và thay đổi trong cộng đồng.

Tài liệu hướng dẫn này sẽ giúp những nhà quản lý, quy hoạch đô thị, những nhà đầu tư, phát triển, chuyên gia về di sản và các cán bộ quản lý địa phương trong những nỗ lực bảo tồn di sản đô thị, góp phần phát triển một nền kinh tế lành mạnh, nâng cao niềm tự hào cộng đồng và bảo vệ các di sản vì tương lai của các thế hệ sau này. Với những mục tiêu trên, tài liệu này đưa ra so sánh giữa bối cảnh của Việt Nam với các nguyên tắc và các trường hợp quốc tế, với hy vọng cung cấp những hướng dẫn cần thiết cho quá trình bảo tồn di sản ở các thành phố Việt Nam.

Chúng tôi hy vọng rằng với những ví dụ thực tế điển hình, tài liệu này sẽ hỗ trợ đắc lực cho những nhà quản lý đô thị của Việt Nam.



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Chương 1: DI SẢN ĐÔ THỊ

- 1.1 Đô thị Việt Nam - Những thay đổi mạnh mẽ
- 1.2 Những thách thức đối với bảo tồn di sản đô thị
- 1.3 Khái niệm di sản đô thị
- 1.4 Giá trị di sản về mặt kinh tế

Chương 2: NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ TIẾP CẬN

- 2.1 Hướng đến một chính sách phát triển bền vững
- 2.2 Phương pháp tiếp cận đối với bảo tồn di sản kiến trúc

Chương 3: QUẢN LÝ DI SẢN ĐÔ THỊ

- 3.1 Xây dựng chiến lược di sản đô thị
- 3.2 Quảng bá và nhận thức về di sản

Chương 4: BẢO TỒN DI TÍCH KIẾN TRÚC

- 4.1 Phác thảo những điều luật địa phương và hướng dẫn về thiết kế
- 4.2 Tu bổ di tích
- 4.3 Đánh giá tác động đối với di sản

Chương 5: THIẾT KẾ BẢO TỒN, TÔN TẠO

- 5.1 Thiết kế kiến trúc
- 5.2 Quảng cáo và biển hiệu
- 5.3 Tuyến phố và mảng đô thị
- 5.4 Các ví dụ ở Việt Nam

Chương 6: CƠ CẤU THỂ CHẾ VÀ CÁC LUẬT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ DI SẢN Ở VIỆT NAM

- 6.1 Quản lý nhà nước đối với di sản
- 6.2 Luật và quy định liên quan đến di sản đô thị



CHƯƠNG 1: DI SẢN ĐÔ THỊ



Di sản đô thị là toàn bộ các di sản cá nhân, cộng đồng và mối quan hệ của chúng với các vấn đề về môi trường, kinh tế và xã hội. Chính tổng thể tài sản này là nhân tố tạo nên vẻ riêng biệt của mỗi thành phố. Điều này tạo ra nguồn gốc và những nét đặc trưng cho xã hội, mang đến cho con người cảm nhận về thành phố họ đang sống.

Hiện nay, di sản đô thị ở Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều áp lực – giá bất động sản, nhu cầu cơ sở hạ tầng và những áp lực của phát triển du lịch. Tuy nhiên, song hành với những thách thức này là những cơ hội mới để bảo vệ di sản, đó là nguồn thu từ du lịch, sự ghi nhận quốc tế đối với các di sản và cải thiện đời sống cho người dân. Trong 1 thập kỷ rưỡi vừa qua, một số thành phố ở Việt Nam đã có những nỗ lực và thành công đáng kể trong việc xác định và gìn giữ những di sản văn hóa. Những nỗ lực này có thể được coi là điển hình, và là bài học kinh nghiệm cho các thành phố khác của Việt Nam.

Để bảo tồn di sản ở Việt Nam, các giá trị của những di sản này cần được công nhận rộng rãi. Điều này phụ thuộc rất lớn vào nhận thức của nhà hoạch định đối với giá trị kinh tế của di sản. Việc bảo tồn di sản đô thị tạo ra công ăn việc làm, phát triển du lịch, đồng thời duy trì điều kiện thuận lợi cho các mô hình kinh doanh nhỏ.

1.1 ĐÔ THỊ VIỆT NAM – NHỮNG THAY ĐỔI MẠNH MẼ

Sự chuyển biến mạnh mẽ của những đô thị ở Việt Nam đang là mối đe dọa lớn đến các di sản văn hóa đô thị của đất nước. Di sản văn hóa đô thị vật thể, bao gồm tổng thể các kiến trúc cổ, cũng như những ngôi nhà riêng lẻ, chùa, đền và những di tích khác hiện đang trong tình trạng xuống cấp và có nguy cơ bị phá hủy do các nhà đầu tư và phát triển tìm cách tái đầu tư tài sản trong bối cảnh thị trường đất đai đô thị cạnh tranh cao. Trong khi đó, các di sản đô thị phi vật thể - dưới hình thức những phong tục văn hóa, lối sống và buôn bán thương mại cũng đang

ngày một mai một do những thay đổi của người dân các khu vực lân cận để thích nghi với đời sống mới và những cách kiếm kế sinh nhai truyền thống cũng co hẹp dần trong quá trình phát triển.

Trong lúc đó, số lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến các thành phố của Việt Nam đang gia tăng mạnh theo cấp số nhân. Trong số những khách du lịch có rất nhiều khách du lịch di sản, quan tâm và tìm đến những đô thị giàu di sản nhất Việt Nam như Hà Nội, Huế, Hội An và thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ khi được ghi nhận trong danh sách Di sản Thế giới, thành phố Hội An và Huế đã nỗ lực bảo tồn các di sản vật thể và phi vật thể và giới thiệu những di sản này trước công chúng và khách du lịch. Thành phố Hội An đã phối hợp chặt chẽ với UNESCO để đưa ra kế hoạch bảo tồn. Những nỗ lực bảo tồn, tôn tạo và phát triển của Hội An đã cứu được nhiều ngôi nhà cổ trong khu vực trung tâm, và đưa thành phố trở thành một điểm đến hấp dẫn với khách du lịch di sản. Đạt được những thành công này là do thành phố đã thiết lập được những quy định mới, tổ chức quản lý tốt các di sản và có những dự án qui hoạch bảo tồn di sản quy mô lớn.

1.2 NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI BẢO TỒN DI SẢN ĐÔ THỊ

Di sản ở các khu vực đô thị đang chịu sức ép lớn từ sự phát triển, trong khi đó, không phải di sản nào cũng được công nhận giá trị xác đáng. Những thách thức đối với di sản đô thị ở Việt Nam được xác định như sau:

Tỉ lệ đô thị hóa ước tính là 30% và sự tăng trưởng dân

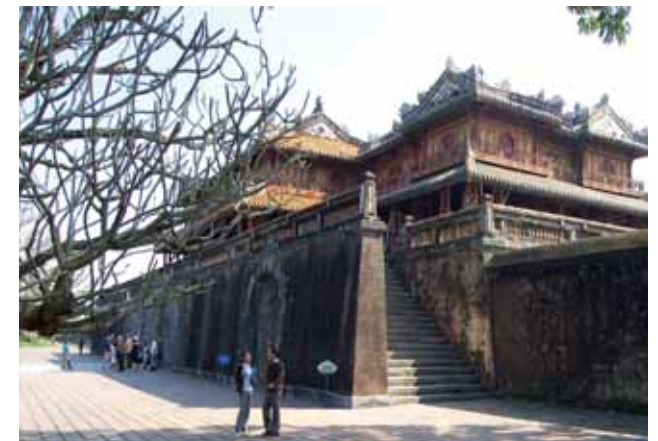
số đang đặt nhiều áp lực hơn nữa lên những thành phố di sản như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Huế, nơi những công trình xây dựng đang mọc lên như nấm, nơi các ngôi nhà cũ kĩ đang dần bị phá bỏ, nơi ồn ã từng giờ tiếng còi ô tô xe máy, lấn át đi quang cảnh sống của các khu dân cư và những đại lộ lá phủ đầy. Những khách sạn được xây dựng, những ngôi nhà được cải tạo mới trong khu phố cổ Hà Nội, nhằm đáp ứng nhu cầu của đời sống cũng như nhu cầu ngày càng tăng cao của du lịch đang phá hủy dần những nét đặc trưng của khu phố cổ. Bên cạnh đó những nhận thức hạn chế về đóng góp cộng đồng và giáo dục chưa đầy đủ về bảo tồn di sản cũng là một thách thức lớn.

Bảo tồn di sản đô thị không phải là giữ nguyên các công trình và ngừng các hoạt động của khu vực dân cư để biến thành bảo tàng, mà ngược lại có thể là một

động thái đa mục tiêu như nỗ lực tôn tạo, tái sử dụng và phát triển đồng thời bảo tồn những giá trị văn hóa của di sản, đảm bảo khu vực di sản hòa hợp với nhu cầu của dân cư và các hoạt động kinh tế. Bảo tồn di sản được coi là hiệu quả khi đề cập đến thực tế phát triển kinh tế của khu vực và có khả năng cải thiện tình hình xã hội và kinh tế khu vực, nâng cao niềm tự hào và sự hài lòng của người dân. Tương tự, di sản văn hóa phi vật thể có thể vừa được bảo tồn và phát huy nếu được tạo điều kiện phát triển cần thiết. Di sản văn hóa không chỉ mang lại lợi ích cho khách du lịch, cho những người cao tuổi trân trọng giá trị lịch sử mà còn là cơ sở cho sự phát triển văn hóa trong tương lai. Cũng chính bởi vậy, việc giáo dục thế hệ trẻ về di sản văn hóa, qua đó nhận thức về việc bảo tồn là một trong những ưu tiên hàng đầu của các nhà quy hoạch và quản lý đô thị để đẩy mạnh hơn nữa cơ sở xã hội của thành phố.



Công trình xây dựng ở TP Hồ Chí Minh





Phố cổ Hà Nội

Phố cổ Hà Nội – Hà Nội 36 phố phường đã trở thành trái tim của trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa; nơi tập trung cao nhất mọi hoạt động của đô thị, là hình ảnh đại diện các giá trị văn hoá đô thị của Hà Nội trong gần 1000 năm lịch sử

Phố cổ là dấu ấn sinh động cho lịch sử phát triển đô thị. Những cái tên của từng dãy phố gợi nhớ đến những mặt hàng do những khu dân cư tiểu thủ công nghiệp sản xuất và buôn bán giao thương, hình thành lên những phố nghề đặc trưng, mang những nét truyền thống riêng biệt của cư dân thành thị, kinh đô mà một số còn được lưu giữ đến ngày nay như phố Hàng Bông, phố Hàng Bạc, phố Lò Rèn, phố Hàng Đồng, ...

Mạng lưới đô thị phản ánh cơ cấu **tổ chức đô thị cổ gồm 36 phường nghề**. Kết cấu xã hội và không gian này được phản ánh trong khía cạnh

văn hóa phi vật thể nổi bật, là cái hồn của phố cổ với những làng nghề cổ và những hoạt động mang tính chất truyền thống tại các khu phố

Bởi vậy, đây là một không gian đô thị vô cùng sinh động và nhộn nhịp trên từng con phố: những người thợ thủ công làm nghề, những quán ăn đặc sản, những người bán rong tấp nập và những cửa hiệu bày hàng hóa ăm ắp vỉa hè.

Bên cạnh giá trị lịch sử, văn hóa, Phố cổ Hà Nội là một quần thể di sản kiến trúc giàu có với những nét và hình thái đặc trưng với rất nhiều ngôi nhà hình ống san sát trên mặt phố, với các công trình tôn giáo tín ngưỡng và các không gian cộng đồng.

Ngày nay, khu Phố cổ đang tận dụng cơ hội **phát triển kinh tế** và **đón nhận một lượng khách du lịch rất lớn**: các quán cà-phê, nhà hàng, cửa hàng lưu niệm thủ công mỹ nghệ và các khách sạn nhỏ đã lần lượt ra đời. Một số nghề như nghề thủ công lụa tơ tằm và buôn bán kim hoàn đã có những bước phát triển vượt bậc.

Phố cổ Hà Nội đã được Bộ Văn hóa và Thông tin xếp hạng Di tích Quốc gia ngày 5 tháng 4 năm 2004

Thành phố Huế

Thành phố Huế bắt đầu được xây dựng từ giữa thế kỷ 17, khi chúa Nguyễn nắm quyền ở Đàng Trong và trở thành kinh đô của nhà nước phong kiến trong thời Tây Sơn và thời Nguyễn (1802 – 1945). Trong thời gian chiến tranh, thành phố Huế đã bị phá hủy nghiêm trọng. Tuy nhiên một số công trình kiến trúc đặc sắc của Huế vẫn còn được bảo lưu.

Hiện nay Huế là một trong những điểm đến nổi tiếng nhất ở Việt Nam. Thành phố được chia làm hai khu vực là khu vực Kinh thành và khu vực bên kia sông Hương. Tại khu vực bên kia sông, mới xây dựng có các công trình tiện ích như khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành, ngân hàng. Du khách tới Huế thường tham quan khu vực Kinh thành, Hoàng thành, Tử Cấm thành, các ngôi chùa, lăng tẩm nằm cách không xa thành phố. Mỗi lăng tẩm bao gồm khuôn viên, miếu thờ, cung điện và các hồ.

Người Việt Nam coi Huế như điểm nhấn về thời trang, ngôn ngữ và ẩm thực. Người phụ nữ Huế với áo dài truyền thống và nón bài thơ nổi tiếng là người đẹp nhất Việt Nam. Món ăn Huế kể cả những món bình dân từ lâu đã được coi là những món ăn ngon nhất.

Quần thể di tích Cố đô được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới vào ngày 11 tháng 12 năm 1993.

Phố cổ Hội An

Hội An từng là một thương cảng quan trọng từ thế kỷ 17 – 18, là trung tâm buôn bán với sự xuất hiện của các thương gia từ Châu Á và Châu Âu, buôn bán tất cả các loại hàng hóa, từ thực phẩm đến vàng bạc. Nằm trên bờ sông Thu Bồn cách Đà Nẵng 30 km về phía Nam, Hội An là một đô thị bên sông yên bình điểm xuyết bởi các đền chùa miếu mạo và những ngôi nhà mái ngói “âm - dương” vây kín những con phố nhỏ. Kết cấu gốc của những ngôi nhà hai bên phố hầu như còn được giữ nguyên trạng. Kiến trúc Hội An được đặc trưng bởi sự pha trộn hài hòa của những ảnh hưởng của các trường phái kiến trúc khác nhau: kiến trúc Việt Nam, Trung Hoa và Nhật Bản. Tất cả những ngôi nhà cổ ở Hội An đều được xây dựng bằng gỗ, trang trí bằng những hoành phi, câu đối, và các chi tiết kiến trúc trạm trổ hoa văn rất cầu kỳ.

Ngày nay, vào những ngày Rằm hàng tháng, khu phố sẽ tắt đèn điện, nhường chỗ cho một Hội An lung linh và nồng ấm trong hương vị thời gian xưa cũ với những ánh đèn lồng muôn màu muôn sắc được người thợ thủ công làm từ các chất liệu truyền thống như lụa, kính và giấy.

Khu phố cổ này bắt đầu thu hút khách du lịch và những nhà nghiên cứu từ những năm đầu thập kỷ 80. Đô thị cảng nhỏ bé này đã làm nên một điều kỳ diệu trong việc bảo tồn và gìn giữ di sản của chính mình. Hội An làm nên một trong những cảnh quan, di tích tập trung và dày đặc nhất ở Việt Nam với những con phố cổ, với những ngôi nhà cổ kính và rất nhiều đền chùa miếu mạo.

Sau nhiều thế kỷ, Hội An vẫn lưu giữ được danh tiếng về một đô thị cổ truyền thống với những lễ hội dân gian tín ngưỡng và nghệ thuật ẩm thực tinh tế. Phố cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới vào tháng 12 năm 1999.

1.3 KHÁI NIỆM DI SẢN ĐÔ THỊ

Di sản đô thị là những tài sản có giá trị được tạo ra trong quá trình hình thành và phát triển đô thị. Di sản đô thị bao gồm cả cơ cấu đô thị, di sản thiên nhiên, di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) và các di sản khác trong đô thị.



Di sản kiến trúc, di tích



Di sản thiên nhiên

Di sản văn hóa thường được định nghĩa như sau: Là thể hiện của những lối sống được phát triển bởi một cộng đồng và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. ¹



Cơ cấu đô thị



Di sản văn hóa phi vật thể

KHÁI NIỆM DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ ²

Là “sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học”

Bao gồm:

- Di tích lịch sử - văn hoá,
- Danh lam thắng cảnh
- Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.





“Tất cả vườn anh rất đợi chờ
Bởi vì em có ngón tay thơ.
Đến đây em hái giùm đôi lộc,
Kẻo tội lòng anh tủi ước mơ.”

Trích bài thơ “Dâng”
Xuân Diệu



KHÁI NIỆM DI SẢN PHI VẬT THỂ

“là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác”

Bao gồm:

- tiếng nói,
- chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học,
- ngữ văn truyền miệng,
- diễn xướng dân gian,
- lối sống, nếp sống,
- lễ hội,
- bí quyết về nghề thủ công truyền thống,
- tri thức dân gian, bao gồm tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.

Công thức: Bánh Xèo

Nguyên liệu: bột mỳ, nghệ, muối, dầu thực vật, hành tươi, tôm, thịt lợn, đậu tương

Cách thường thức: gói bánh cùng rau xà lách và các loại rau khác, thưởng thức với nước mắm

1.4 GIÁ TRỊ DI SẢN VỀ MẶT KINH TẾ

Ở những thành phố lớn của Việt Nam như Hà Nội, Huế, và thành phố Hồ Chí Minh, di sản có 3 đóng góp chủ yếu cho nền kinh tế là

1. Buôn bán nhỏ:

Kể từ khi đất nước bắt đầu thời kì Đổi Mới 2 thập kỉ trước, các loại hình buôn bán kinh doanh nhỏ có điều kiện thuận lợi và mọc lên như nấm. Sự phát triển nhộn nhịp và đẩy sức sống của các loại hình kinh doanh nhỏ này có thể thấy ở khắp mọi nơi.

Một trong những chi phí mà các tiểu thương có thể kiểm soát được là chi phí địa điểm – chi phí thuê cửa hàng. Thực tế, do không thể thuê cửa hàng, cửa hiệu ở các trung tâm thương mại với giá thấp, các công trình lịch sử cũ kỹ trở thành “tổ” cho các mô hình kinh doanh nhỏ. Đây là thực tế không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới, trong đó Phố cổ Hà Nội có thể coi là một ví dụ điển hình.

Bên cạnh đó, mật độ dày đặc, sự đa dạng và độc lập của loại hình kinh doanh này tạo nên một môi trường kinh tế chung mà cũng nhờ đó, loại hình này càng phát triển thịnh vượng. (xem Bảng 1.4.1).

Bảng 1.4.1 **Tiểu thương phát triển mạnh mẽ trong khu phố cổ Hà Nội**

Ở phố cổ Hà Nội, những dãy nhà mặt phố có khách bộ hành qua lại, các ngôi nhà ống nhỏ dài, và cả những hoạt động tự nhiên có vẻ lộn xộn lại chính là những nhân tố quan trọng của môi trường kinh tế cho thành công của các tiểu thương. Việc thay thế môi trường cơ sở vật chất này bằng một môi trường mới một cách không sáng tạo và tốn kém sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động kinh doanh nhỏ đang tồn tại trong khu phố cổ Hà Nội và ngăn cản sự phát triển của chúng trong tương lai.





Khách du lịch đi sản lưu lại lâu hơn và giành nhiều thời gian tham quan thành phố họ tới



Bảo tồn và trùng tu đòi hỏi tỷ lệ chi phí nhân công nhiều hơn so với các công trình mới, tạo ra việc làm địa phương với tay nghề cao

2. Tạo công ăn việc làm

Một đóng góp quan trọng khác của những công trình di sản trong phát triển kinh tế là một nhân tố chiến lược quan trọng – việc làm. Dĩ nhiên, ngoài khu vực kinh doanh buôn bán tiểu thương, việc làm được tạo ra do việc bảo tồn, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa và các hoạt động liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể.

Ngành công nghiệp xây dựng có khả năng tạo ra số lượng công ăn việc làm rất lớn. Những phân tích ở Châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Đông đã chứng minh thực tế về khả năng tạo việc làm của việc tu bổ, tôn tạo các công trình di sản là lớn hơn các công trình xây dựng mới. Trong khi tỉ lệ chi phí cho các công trình xây dựng mới là 50% vật liệu và 50% nhân công, thì tỉ lệ chi phí nhân công cho tôn tạo các công trình di sản lên đến 60 đến 70% còn lại là vật liệu. Vậy tỉ lệ này có ý nghĩa gì? Vật liệu cho các công trình mới thường phải nhập khẩu, với Việt Nam là một quốc gia nhỏ, hầu hết các vật liệu xây dựng phải nhập khẩu từ nước ngoài. Điều này đồng nghĩa với việc một nguồn tài

chính đã được chuyển ra nước ngoài. Nhân lực, mặt khác, thường có xu hướng địa phương – việc làm tạo ra cho công nhân xây dựng, thợ thủ công và thương nhân trong nước nhiều hơn là nước ngoài.

Hơn nữa, khi tiền được dùng cho chi phí vật liệu, đó là điểm cuối bởi vật liệu bản thân nó không có khả năng sử dụng và tiêu thụ để tạo nên vòng quay của đồng tiền. Nhưng những người thợ thủ công khi nhận được tiền công, sẽ tiêu dùng trong địa phương vào những sản phẩm và dịch vụ của địa phương, ví dụ đơn giản như việc cắt tóc, mua tạp phẩm và các công cụ lao động mới. Do đó, đồng tiền được lưu chuyển trong nền kinh tế địa phương hay quốc gia thay vì việc chu chuyển sang các nền kinh tế khác mà chủ yếu là nước ngoài.

Việc làm trong ngành xây dựng thường là ngắn hạn, và chỉ tồn tại đến khi công trình hoàn thành. Trong khi đó các công trình tôn tạo, trùng tu di sản có chu trình khoảng 20 đến 30 năm. Điều này có nghĩa là tại một thành phố trung tâm như Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh, hoạt

động tôn tạo và trùng tu có thể đóng góp 2 đến 3% tổng các công trình xây dựng mỗi năm và tạo ra việc làm liên tục trong ngành xây dựng.

3. Du lịch di sản

Du lịch là một trong những ngành dịch vụ phát triển nhanh nhất trên thế giới, trong đó du lịch di sản là một loại hình có tốc độ phát triển cao. Khách du lịch di sản có những đặc điểm khác biệt với khách du lịch nói chung. Họ có xu hướng lưu lại lâu hơn, tiêu dùng nhiều hơn cho mỗi ngày tham quan một thành phố. Do đó, tác động kinh tế của mỗi khách du lịch di sản lớn hơn rất nhiều so với khách du lịch đến với những lý do khác.

Nhiều thành phố của Việt Nam có sức hấp dẫn lớn đối với khách du lịch di sản quốc tế bởi chỉ ở Việt Nam họ mới có thể tìm thấy những nét độc đáo của phố cổ Hà Nội, của Cố Đô Huế và những di tích đô thị khác. Những trung tâm mua bán mới, những khách sạn kiểu phương Tây, và những tòa nhà văn phòng cao

trọc trời mà họ có thể thấy ở bất kỳ nơi nào trên thế giới, không thể có những nét cuốn hút của các di sản. Họ có thể tìm thấy một sân gôn hay công viên ở bất cứ đâu, nhưng không thể tìm thấy một phố cổ Hà Nội thứ 2. Đó là tài sản vô cùng quý giá mà không nơi nào khác có thể có được.

Trong vòng 20 năm tới, tầng lớp thượng lưu ở Trung Quốc và Ấn Độ sẽ phát triển rất mạnh mẽ. Chính tầng lớp này sẽ mang đến một thị phần lớn cho ngành du lịch di sản, đặc biệt là mang đến những cơ hội vô cùng thuận lợi cho Việt Nam. Song, cơ hội để thu hút những khách du lịch có tiềm năng kinh tế này sẽ bị uống phí nếu những di sản không đủ hấp dẫn.

Kết luận: Tiềm năng kinh tế của di sản đô thị ở Việt Nam

3 yếu tố của di sản đóng góp chủ yếu vào nền kinh tế bao gồm kinh doanh buôn bán nhỏ, việc làm, và du lịch di sản cần được quan tâm. Singapore, Hồng Kông, Thượng Hải đều là những thành phố lớn phát triển thịnh vượng và hội nhập kinh tế toàn cầu, là những con rồng của khu vực

Châu Á hiện không còn giữ được nhiều các công trình di sản. Và đó là một điều rất đáng tiếc đối với các thành phố này khi đã xao lãng việc bảo tồn khi vẫn còn cơ hội. Những bài học kinh nghiệm từ các thành phố phát triển trong khu vực là vô cùng hữu ích với Việt Nam.

Để tránh phạm phải những sai lầm tương tự, bảo tồn các di sản là vấn đề xứng đáng nhận được sự ưu tiên của các nhà hoạch định về văn hóa, xã hội, môi trường và giáo dục. Bảo tồn di sản vì những lý do trên đây, thành phố cũng thu được những lợi ích về kinh tế.

CHƯƠNG 2:

NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ TIẾP CẬN



Phương pháp tiếp cận Quản lý di sản tổng thể khác biệt với phương pháp tiếp cận truyền thống ở chỗ phương pháp này nhìn nhận di sản như một tập hợp các công trình kiến trúc, cảnh quan và yếu tố truyền thống. Quản lý di sản tổng thể coi các vấn đề xã hội và truyền thống, môi trường cũng như khía cạnh kinh tế như những yếu tố cấu thành của di sản ở khu vực đô thị. Thường thì những trung tâm lịch sử trở thành những bảo tàng sống với những kỹ năng, cư dân, và thương mại truyền thống có sức thu hút khách du lịch.

Quản lý di sản đô thị cần được coi là một nhân tố của chính sách phát triển bền vững toàn diện của từng thành phố ở Việt Nam trong mối liên hệ với các mục đích của chính sách kinh tế, môi trường và xã hội

2.1 HƯỚNG ĐẾN MỘT CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu chính sách môi trường: Bằng việc bảo tồn và tôn tạo kết cấu gốc của các khu dân cư cổ, quản lý di sản đô thị đúng cách sẽ giúp thành phố duy trì yếu tố con người hợp lý trong trung tâm thành phố, do đó ngăn ngừa sự phát triển mất cân đối và những phát triển mở rộng tiêu cực bắt nguồn từ việc quy hoạch yếu kém những phát triển mới (tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, quản lý hệ thống thoát nước yếu kém)

Ví dụ, quy hoạch yếu kém và sự gia tăng không bền vững trong phương tiện giao thông cơ giới đã cản trở sự phát triển của trung tâm thành phố Bangkok, làm sụt giảm số lượng khách du lịch và làm giảm tốc độ phát triển của các doanh nghiệp. Phá hủy các ngôi nhà cũ trong khu phố cổ Hà Nội và thay thế những ngôi nhà này bằng những trung tâm thương mại và chung cư lớn sẽ có những tác động rất tiêu cực đến giao thông, cấp nước, vấn đề nước thải và thu gom rác thải.



Mục tiêu chính sách xã hội: Việc bảo tồn các di sản đô thị phi vật thể nhằm mục đích bảo tồn và lưu giữ truyền thống văn hóa địa phương, lối sống, sinh kế bao gồm thương mại và thủ công. Quản lý hợp lý di sản văn hóa vật thể như các ngôi nhà cổ, chùa chiền... sẽ tạo điều kiện cho những hoạt động thương mại và các hoạt động truyền thống khác được giữ gìn và phát triển, đảm bảo sự tồn tại của cộng đồng cổ kết.

Người ta sẽ không thể nào tưởng tượng được một thành phố Bắc Kinh không có Tử Cấm Thành, thành phố Amsterdam vắng bóng những con kênh, Paris không có tháp Eiffel, Hội An không có những dãy phố cổ hay Cố đô Huế không có Thành Cổ. Singapore đã đánh mất rất nhiều những công trình di sản, đồng nghĩa với việc mất đi những giá trị và gốc truyền thống mà ngày nay Singapore đang cố gắng khôi phục. Thành phố Rio cũng không thể thiếu lễ hội Carnival, New Orleans với lễ hội Mardi Gras và Đà Lạt với lễ hội Hoa. Đó là những di sản phi vật thể tiêu biểu, làm nên những nét và giá trị đặc trưng của thành phố.



Biểu tượng: Tháp Rùa ở Hà Nội, chùa cầu ở Hội An và Thành Cổ ở Cố đô Huế





Mục tiêu chính sách kinh tế: Quản lý tốt di sản đô thị sẽ tạo ra nhiều việc làm ở địa phương và mang đến một sức sống mới cho kinh tế khu vực trung tâm thành phố. Các loại hình kinh doanh, dù là cung cấp các dịch vụ ăn uống cho khách du lịch, hay tận dụng vị trí trung tâm tập nập sẽ mang đến lợi nhuận và sự thịnh vượng cho một khu vực có khả năng tài trợ hoặc chi trả cho việc bảo tồn di sản. Malacca ở Malaysia tiếp đón hơn 5,5 triệu khách du lịch mỗi năm, trong khi đó người hàng xóm Palembang ở Indonesia, cũng là một thành phố sở hữu đáng kể những di sản văn hóa, nhưng do thiếu quan tâm và tôn tạo đúng mức, hầu như không thu hút được khách du lịch. Phố cổ Hội An với công tác bảo tồn tốt, mỗi năm thu hút được gần 2 triệu khách du lịch trong và ngoài nước. Mỗi khách du lịch nước ngoài tiêu dùng trung bình 76,4 đô la Mỹ trong một ngày tại Hội An.

Trong dài hạn, những giá trị xã hội, văn hóa, và môi trường của các công trình di sản quan trọng hơn rất nhiều



so với những giá trị kinh tế. Nhưng trong ngắn hạn, đối với những người quyết định tương lai của những công trình di sản như các quan chức, chủ sở hữu, ngân hàng hoặc nhà đầu tư bất động sản và những đối tượng khác thì giá trị kinh tế là rất quan trọng. Do đó, việc tuyên truyền và giáo dục về bảo tồn di sản cần phải được hướng đến những đối tượng này.

2.2 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN ĐỐI VỚI BẢO TỒN DI SẢN KIẾN TRÚC

Đối với di sản vật thể (ở đây là các công trình xây dựng), quản lý di sản bao gồm ít nhất 7 bước tiếp cận khác nhau, từ thụ động đến chủ động như bảng tóm tắt dưới đây:



Những cách tiếp cận thụ động hay gọi là phương pháp bảo tồn đối với quản lý công trình di sản bao gồm giữ gìn, duy trì, bảo tồn và trùng tu. Những phương pháp tiếp cận này nhằm chỉ để tạo nên những thay đổi rất nhỏ đối với các tài sản hoặc khu vực lịch sử:

- Giữ gìn: hành động nhằm giữ lại tài sản hoặc khu vực lịch sử không bị xâm hại hoặc hư hỏng, phá dỡ.
- Duy trì: giữ lại một tài sản hoặc khu vực lịch sử
- Bảo tồn: Những nỗ lực nhằm tìm hiểu và nắm rõ được giá trị lịch sử và ý nghĩa của di sản, đảm bảo giữ gìn các vật liệu gốc, cải tạo và nâng cấp cần thiết
- Trùng tu: nỗ lực để khôi phục một công trình lịch sử hoặc các khu vực phụ cận về trạng thái nguyên gốc

Cách tiếp cận với các công trình di sản chủ động hơn bao gồm tôn tạo, cải tạo mới và tái phát triển. Những cách tiếp

cận này nhằm nâng cấp và thay thế tình trạng của di sản:

- Tôn tạo: đưa những công trình lịch sử và những khu vực phụ cận trở lại với đời sống và các hoạt động bằng cách nâng cấp tình trạng của di sản.
- Cải tạo mới: xây dựng lại một khu vực lớn của thành phố được tiến hành bởi cơ quan nhà nước.
- Tái phát triển: khôi phục lại những khu vực đã bị đổ nát, suy thoái

Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận quản lý di sản đô thị phù hợp – hoặc kết hợp những phương pháp tiếp cận như mô tả trên đây phụ thuộc vào nhu cầu địa phương và quan trọng hơn hết là sự ủng hộ và hỗ trợ của các bên liên quan chính, bao gồm cơ quan chính quyền, người dân địa phương, doanh nghiệp địa phương và những cơ quan chính phủ cấp nhà nước có liên quan khác.

CHƯƠNG 3:

QUẢN LÝ DI SẢN ĐÔ THỊ



Tại một ngôi chùa cổ ở thành phố Huế, các nhà sư trẻ vẫn tiếp tục cuộc sống tu hành của mình khi khách du lịch tới tham quan theo những lời hướng dẫn mà không đề cập đến các câu chuyện và sự kiện về truyền thống địa phương. Trong khi đó những người bán hàng rong cố thu hút khách du lịch còn những người dân trong vùng thì ngồi quan sát từ ngôi nhà của họ.

Di sản đô thị là di sản sống. Đó là vấn đề quan trọng để các nhà hoạch định nhận ra sự đa dạng của các bên có lợi ích liên quan. Một chiến lược quản lý di sản, ở khía cạnh nào đó thì đô thị lựa chọn tầm nhìn và kế hoạch quản lý cho mình, phải được dựa trên sự đa dạng và những mong muốn thường là đối lập nhau của các bên có lợi ích liên quan.

3.1 XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC DI SẢN ĐÔ THỊ

Giai đoạn 1: đánh giá những giá trị văn hoá

MỤC TIÊU: Các nhà hoạch định cần xác định các đặc điểm nổi bật của một khu vực, làm cho khu vực đó có những đặc trưng và giá trị đối với du khách và người dân địa phương. Thu thập các chứng cứ hữu hình, truyền miệng và viết tay đáng tin cậy để **có được cái nhìn sâu sắc hơn** về các giá trị trong quá khứ và hiện tại của vùng đó. Người lên kế hoạch có thể phân tích các đặc trưng mà thiếu nó sẽ dẫn đến việc giảm giá trị văn hoá và nét đặc sắc của vùng.

Những cảnh báo của Hiến chương Venice chống lại việc xây dựng một “chủ nghĩa lịch sử sai lệch”, trong khi đó các nhà phát triển cố gắng xây dựng ý nghĩa về chức năng và diện mạo lịch sử thường không liên quan gì đến giá trị nguyên gốc của nơi đó. Việc này thường xuyên xảy ra khi

Phỏng vấn Ông Đức

(BAN QUẢN LÝ PHỐ CỔ Hà Nội)

Ông Đức đang giám sát việc xây dựng mới ở Phố cổ Hà Nội. Ông cho rằng khó để đi đến sự thống nhất trong dân chúng và giải thích nguyên nhân là do thái độ khác nhau giữa họ, những người lớn tuổi kiên quyết gìn giữ khu phố, thế hệ trẻ thì ít quan tâm hơn, còn những người thuê nhà thì tuyên bố chỉ quan tâm đến việc kinh doanh. Ông công nhận rằng mặc dù vậy tất cả người dân sống ở đây đang được hưởng lợi từ khả năng tồn tại lâu dài và sự độc nhất vô nhị của Phố cổ. Ông nói, “văn hoá phi vật thể của Phố cổ là khía cạnh có giá trị nhất. Không khí chung và cuộc sống trên các dãy phố này nên được giữ gìn như nó vốn có”

các nỗ lực bảo tồn di sản chỉ do các nhà phát triển du lịch dẫn dắt.

PHƯƠNG PHÁP: có năm tiêu chí về giá trị do UNESCO quy định là: khoa học, xã hội, tâm linh, kiến trúc/mỹ thuật, và lịch sử.

Khi cố gắng để hiểu lịch sử của một vùng lân cận, các ghi chép lịch sử về sở hữu đất đai, nhân khẩu học và hoạt động thương mại có thể được sử dụng. Những ghi chép này thường giúp hiểu về việc duy trì và thay đổi trong vùng và nó có thể giúp các nhà bảo tồn hiểu rõ hơn về sự năng động của cộng đồng. Việc nghiên cứu không cần

phải cụ thể về địa điểm. Ví dụ, một nhà bảo tồn có thể thu thập thông tin về lịch sử hàng hải ở Vũng Tàu hay tra cứu các tư liệu để hiểu ý nghĩa của các ngôi chùa đối với một nhóm cộng đồng ở Huế.

Các câu hỏi cơ bản về di sản cần được đặt ra: Tại sao nơi này nổi bật? Những đặc trưng nào làm nó riêng biệt? Nó phục vụ cho lợi ích văn hoá và lịch sử gì? Nó giữ giá trị gì cho tương lai?



THỰC HIỆN: khi đánh giá các giá trị văn hoá, có nhiều cách để các nhà hoạch định ở Việt Nam thực hiện:

• **Hồ sơ:** một tài liệu toàn diện bao gồm thông tin chi tiết về một địa điểm hoặc một khía cạnh của văn hoá phi vật thể.

Thực hiện: thu thập tài liệu liên quan và tiến hành khảo sát chuyên môn tại địa điểm.

• **Bản kiểm kê/sổ danh bạ:** một danh sách về thông tin địa điểm có thể giao cho các cơ quan địa phương để nâng cao nhận thức về di sản văn hoá và vị trí của chúng. Thành phố Toronto công bố cuốn Danh bạ lịch sử trên trang mạng điện tử của thành phố.

Thực hiện: biên soạn bản tóm tắt các địa điểm và các giá trị văn hóa truyền thống.

• **Xếp hạng các di tích:** phân loại và xếp hạng các di sản là những quá trình mà bằng cách đó di sản được xác định về tầm quan trọng và mức bảo vệ. Thành cổ Hà Nội đã được xếp hạng là “Di tích Quốc gia”.

Thực hiện: các hồ sơ sẽ được gửi tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

• **Lập bản đồ:** ở Huế một bản đồ kỹ thuật số của thành cổ đã được xây dựng để dễ dàng xác định không gian của thành phố.

Thực hiện: lập bản đồ có sử dụng các phương pháp khảo sát.

Giai đoạn 2: khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và khu vực kinh tế tư nhân

MỤC TIÊU: người dân địa phương cần có một vai trò chủ động trong việc lập kế hoạch và xây dựng nỗ lực bảo tồn di sản. Ở Việt Nam có một ý thức tự hào văn hóa mạnh mẽ.

Người dân địa phương rất tự hào về lịch sử và di sản văn hóa phi vật thể của mình. Bằng việc nâng cao tính thẩm mỹ của các di sản kiến trúc cùng với việc duy trì các di sản phi vật thể, lòng tự hào này được hiển hiện trong toàn cảnh nơi họ sống.

Thông qua sự tham gia chủ động, người dân sẽ phát triển ý thức sở hữu và trách nhiệm với khu phố và ngôi nhà nơi họ sống. Trong quá trình nêu ý kiến và quan sát việc thực hiện dự án, người dân sẽ cảm thấy một sự gắn kết và giá trị lớn hơn đối với cộng đồng của họ. Quảng thời gian định cư trung bình ở Phố cổ Hà Nội là 55 năm. Điều này có nghĩa là những người lớn tuổi đã chứng kiến nhiều việc chuyển đến và đi của hàng xóm qua các giai đoạn chiến tranh, thay đổi, và sự phát triển của gia đình. Họ cũng chứng kiến sự chuyển biến vật chất khi những chuyển biến về kinh tế làm thay đổi cộng đồng của họ. Có chăng nhận thức thay đổi hay hoài niệm về quá khứ, hầu hết người dân đều cảm thấy một mối liên hệ chặt chẽ với láng giềng của họ.

Bảo tồn có thể được coi như là một chương trình phát triển con người. Những lợi ích đầu tiên của bảo tồn sẽ hướng tới xã hội, dưới hình thức củng cố cộng đồng, có sự gắn kết và làm tăng ý thức tự hào nảy sinh từ nhận thức di sản.

Thứ hai, lợi ích tiềm năng là nâng cao điều kiện sống và tăng trưởng kinh tế (du lịch, công ăn việc làm, hoạt động kinh doanh mới và giá trị bất động sản). Với những lý do này, cần có một cách tiếp cận đa ngành đối với di sản, trong đó không chỉ chứa đựng tầm nhìn mà còn chủ động để ra những mục tiêu nổi bật.



Bảng 3.1.1

KATHMANDU, NEPAL

Ở Nepal, Hội đồng chính quyền thành phố Kathmandu (KMC) đã và đang xúc tiến những nỗ lực lớn để giáo dục người dân về di sản và môi trường của họ. KMC đã thành công trong việc khuyến khích sự tham gia rộng khắp của cộng đồng và người dân, đi đôi với những cố gắng triệt để trong việc giáo dục cộng đồng. KMC tuyên bố hai mục tiêu lớn là nâng cao sự tự hào của người dân và niềm tin rằng sự gắn kết cộng đồng sẽ dẫn tới thành công trong bảo tồn di sản. Trong suốt quá trình tôn tạo một công trình di sản trung tâm gần đây, rất nhiều người được khích lệ đã quyên góp những lượng vàng nhỏ.

Bên cạnh mức độ tương tác riêng với, và phụ thuộc vào dân chúng, KMC cũng hướng tới cả cộng đồng doanh nghiệp địa phương. KMC đã tiến hành tư nhân hóa một số dịch vụ vốn trước đó là của Chính phủ và cho người dân có quyền lựa chọn các dịch vụ chính phủ nhằm làm tăng hiệu quả và chất lượng dịch vụ.

PHƯƠNG PHÁP: cộng đồng phải là công cụ giúp tạo lập các mục tiêu bảo tồn. Vai trò của họ KHÔNG phải là thêm sự ủng hộ vào đề xuất có sẵn, mà trở thành những người hành động thực sự để tạo nên ý tưởng và tầm nhìn.

Nếu các doanh nghiệp ý thức được lợi ích kinh tế của việc bảo tồn di sản, họ cũng sẵn sàng muốn đóng vai trò trong nỗ lực bảo tồn. Những thay đổi mà các doanh nghiệp tạo ra trong quá trình bảo tồn di sản (ví dụ như giảm các yếu tố hiện đại, các biểu trưng và biểu tượng của tập đoàn được làm tinh tế hơn) thường là động cơ cho sự tăng trưởng khi họ thu hút khách hàng tới khu vực bảo tồn.



THỰC HIỆN: sự tham gia của cộng đồng cần có cam kết trung thành của các bên liên quan. Dưới đây là một số việc làm để thu hút cộng đồng.

• **Khảo sát:** đặt câu hỏi cho người dân trong vùng để nắm bắt được ý kiến cộng đồng.

Thực hiện: chuẩn bị câu hỏi và phân phát trong khu vực thực hiện.

• **Lễ hội di sản:** ở Huế, lãnh đạo địa phương thường tổ chức lễ kỷ niệm và lễ hội để giới thiệu văn hóa vật thể và phi vật thể, trong đó có Festival Huế chín ngày hàng năm.

Thực hiện: thu hút các nhà hảo tâm địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức văn hóa

• **Giáo dục cộng đồng:** ở Sumatra, người ta xây dựng một phiên bản trò chơi với các địa điểm di sản địa phương để giáo dục trẻ em.

Thực hiện: bố trí các trường học địa phương và các nhóm cộng đồng tổ chức việc giáo dục.

• **Nhóm trọng điểm:** khi nghiên cứu Khu phố cổ Hà Nội, tổ nghiên cứu HAIDEP gồm những chuyên gia Nhật Bản và Việt Nam đã tổ chức một cuộc thảo luận chuyên sâu với người dân để thăm dò quan điểm của họ về di sản tại đây.

Thực hiện: tập hợp đại diện của mọi tầng lớp dân cư trong cộng đồng.

• **Cập nhật thông tin bảo tồn:** Hội Hoàng gia Châu Á Hồng

Kông xuất bản tờ tin để phổ biến và cập nhật cho người dân về các dự án bảo tồn đang thực hiện.

Thực hiện: thu thập và xuất bản các thông tin về di sản.

• **Phòng tiếp dân:** Ở Madison, Mỹ, các công dân được khuyến khích đến các cơ quan chính phủ để nói chuyện trực tiếp với các nhân viên hoặc để lại ý kiến đóng góp.

Thực hiện: xem xét cơ chế phản hồi của cộng đồng để có hành động cụ thể.

• **Ngày lao động cộng đồng (lao động tình nguyện):** những người dân ở Myanmar thường tình nguyện tham gia gìn giữ các ngôi chùa và ngôi đền.

Thực hiện: tập hợp cộng đồng tham gia thực hiện dự án.

Giai đoạn 3: Phát triển chiến lược

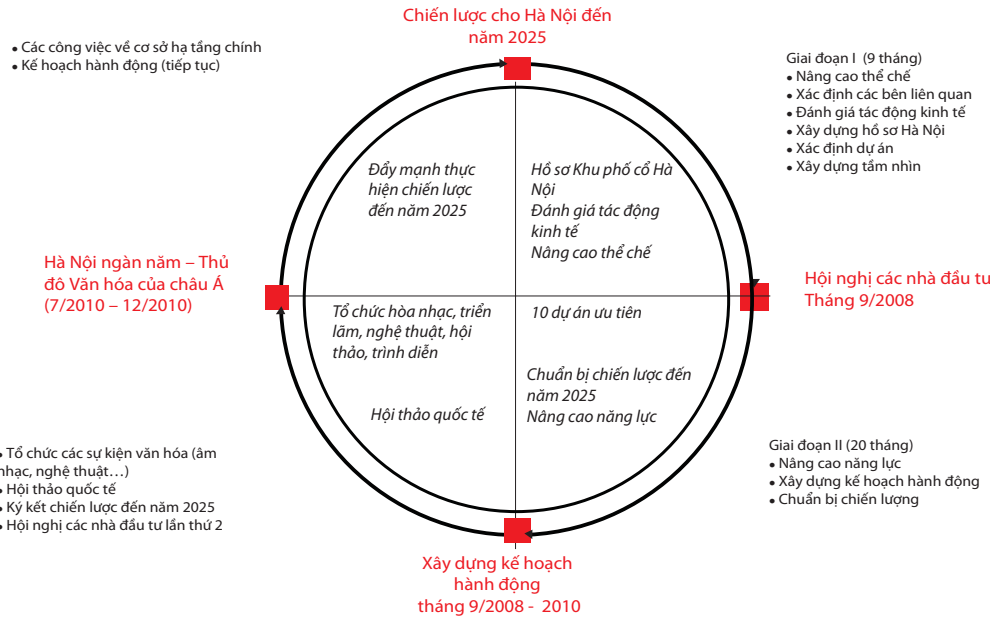
MỤC TIÊU: khi mục tiêu của việc bảo tồn di sản đã được xác định và kế hoạch đã được xây dựng thì những mục tiêu này phải thống nhất với các mục tiêu của những kế hoạch thực tiễn khác. Để bảo tồn di tích, các dự án phải được thiết kế để phát triển mối liên hệ giữa các khía cạnh văn hoá, các yếu tố vật thể và phi vật thể liên quan.

PHƯƠNG PHÁP: sau khi tất cả những bên liên quan đã họp bàn thì chi tiết của chiến lược phải được thiết lập. Chiến lược phải bao gồm một kế hoạch cụ thể với các mục tiêu lớn nhỏ, kế sách và sự thừa nhận của những người có trách nhiệm liên quan.



Trên là hai sơ đồ của chiến lược quản lý tài nguyên Toronto và dưới đây là một sơ đồ dự án bảo tồn và phát triển Khu phố cổ Hà Nội của Urban Solutions

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN





THỰC HIỆN: Các chiến lược di sản đô thị cần bao gồm một số vấn đề sau:

• **Tầm nhìn:** Tầm nhìn cho Hội An cần chú trọng đến việc duy trì một thành phố cho mọi người sinh sống trong khi vẫn chia sẻ những giá trị văn hoá và lịch sử của nó với khách tham quan và đạt được sự công bằng trong phân chia thu nhập.

Thực hiện: thống nhất ý kiến giữa những bên liên quan về một tầm nhìn phù hợp.

• **Kế hoạch hành động** trình tự thời gian và ngân sách cho dự án và bản phân công trách nhiệm quản lý. Kế hoạch hành động của UNESCO tại Hội An bao gồm những vấn đề trung tâm - gồm việc phân chia thu nhập và giáo dục địa phương – và các cơ quan có trách nhiệm.

Thực hiện: tổ chức cuộc họp của những bên liên quan để tạo ra sự đồng thuận.

• **Kế hoạch tài chính:** Một bản tổng kết bao gồm các nguồn

tài trợ, các cam kết tài chính và các chi phí tài chính.

Thực hiện: tìm tài trợ từ nhiều nguồn và dự trù kinh phí bảo tồn.

• **Khuyến khích:** những người chủ sở hữu các ngôi nhà đôi khi cảm thấy các quy định rất nặng nề và không công bằng. Vì vậy để khích lệ việc bảo tồn, người ta thường đưa ra các điều khoản để khen thưởng người dân đã có thành tích bảo tồn di tích (theo 3.1.2)

Thực hiện: xem xét cơ chế tài chính để khen thưởng việc bảo tồn.

• **Thiết kế tuyến phố:** Trong khu phố người Hoa ở Singapore, việc nâng cấp các tuyến phố bắt đầu với sự hoà hợp của các tấm biển quảng cáo.

Thực hiện: nghiên cứu các khu phố và so sánh với các khu phố được bảo tồn tốt.

• **Dự án thí điểm:** Một dự án cần được thực hiện để làm mẫu cho cả tiến trình.

Dự án này cần được chứng minh bằng tài liệu và tổ chức chặt chẽ trong mối liên kết giữa các trường đại học, các nhà quy hoạch và các chuyên gia di sản vì nó là cơ hội cho tất cả mọi người học hỏi và quan tâm vào một vấn đề thực tế cụ thể. (phần 3.1.3)

Thực hiện: chọn một khu vực thích hợp cùng với các chuyên gia và những người liên quan.

Giai đoạn 4: Thi hành chiến lược di sản

MỤC TIÊU: Trong một khu vực được chọn để bảo tồn, những sự phát triển mới cần phải gia tăng ý nghĩa của nơi đó. Thông qua việc tái sử dụng thích nghi và thúc đẩy, khu vực đó sẽ tiếp tục có được kinh tế vững mạnh.

Mọi nỗ lực đối với di sản cần có khả năng thích nghi được với những thay đổi trong nền kinh tế và đối phó được với các thách thức không mong đợi mà vẫn giữ vững mục tiêu bảo tồn. Trong Khu phố cổ Hà Nội, rất nhiều tuyến phố đã trải qua sự thay đổi kinh tế lớn lao. Như phố Mã Mây đã thay đổi chức năng vốn có của mình để hưởng lợi từ ngành du lịch thương mại. Vì số lượng khách du lịch trong khu phố cổ tăng lên, ngày càng nhiều các dịch vụ xuất hiện để đáp ứng nhu cầu của họ. Sự phân chia kinh tế của khu phố cổ, với mỗi con phố vốn được gắn với một

mặt hàng nhất định, đại diện cho một khía cạnh quan trọng của văn hoá phi vật thể. Các nhà hoạch định cần phải cân bằng nhu cầu cơ sở hạ tầng và dịch vụ của khách du lịch mà không làm mất đặc trưng phương hội của các khu phố.

PHƯƠNG PHÁP: Trong mọi giai đoạn của tiến trình bảo tồn di sản, điều quan trọng là cần phải giữ quan điểm chính luận. Bỏ qua những quyền lợi khác nhau của mỗi khu vực có thể khiến dự án mất đi sự ủng hộ.

Bảng 3.1.3 Dự án đường Nguyễn Thái Học

Dự án đường Nguyễn Thái Học

Thời gian bắt đầu: Tháng 4 năm 2000

Quy mô: Giai đoạn đầu phục hồi 11 trên tổng số 22 ngôi nhà mặt phố, hệ thống cấp, thoát nước và vỉa hè.

Chi phí: 6.222.000.000 đồng (429.000USD)

Kết quả: Ngân sách thuế của đường Nguyễn Thái Học tăng 20%

Tháng 4 năm 2000, chính quyền Hội An bắt đầu tu bổ và khôi phục đường Nguyễn Thái Học. Trước đó, hầu hết các nỗ lực bảo tồn di sản đều trên đường Trần Phú và Lê Lợi, nơi tập trung các du khách. Thu nhập trên đường Trần Phú và Lê Lợi gần như gấp đôi thu nhập trung bình trên đường Nguyễn Thái Học. Thành phố Hội An đã đầu tư 6,222 triệu đồng vào 11 ngôi nhà trên đường Nguyễn Thái Học. Phần lớn những ngôi nhà là nhà riêng và của những doanh nghiệp nhỏ. Dự án này cũng bao gồm việc thành lập một trung tâm cộng đồng, hai bảo tàng nhỏ và hai văn phòng. Hơn thế nữa, để nâng cấp điều kiện chung của tuyến phố, thành phố đã nâng cấp hệ thống cấp nước, xây lại hệ thống thoát nước và vỉa hè mới. Sự phát triển của đường Nguyễn Thái Học được tạo ra nhờ nhiều tổ chức bao gồm các đại diện của UNESCO, Sở Thương mại và Du lịch, Trung tâm quản lý và bảo tồn di tích, các nhà tài trợ tư nhân và các chủ hộ.



Kết quả của những nỗ lực trên đã làm tăng đáng kể lượng du khách trên đường Nguyễn Thái Học và mở rộng vùng du lịch của Hội An. Ủy ban nhân dân thành phố đã có nỗ lực lớn trong việc nâng cao nhận thức về đường Nguyễn Thái Học bằng cách xây dựng bản đồ, giới thiệu những điểm hấp dẫn và đưa những điểm đó lên website của Hội An. Từ đó, thu nhập của các hộ kinh doanh trên đường Nguyễn Thái học đều tăng lên và các chủ hộ đều nhận thấy giá trị ngôi nhà của mình tăng cao. Doanh thu từ thuế của các hoạt động thương mại trên tuyến phố tăng 20% sau khi dự án hoàn thành.



THỰC HIỆN: Khi thực hiện chiến lược bảo tồn di sản, các nhà hoạch định nên chú ý đến sự phù hợp giữa các mục tiêu lớn nhỏ trong khi tiến hành mở rộng quy mô, quyền hạn của các thể chế pháp lý có liên quan.

• **Cơ sở dữ liệu:** tập hợp hồ sơ và tư liệu về các điểm di tích và các yếu tố của di sản phi vật thể. Thành phố Huế đang xem xét việc xây dựng một cơ sở dữ liệu về không gian bao gồm tất cả các ngôi nhà cổ và di tích trong thành phố.

Thực hiện: liên kết các cơ quan tổ chức liên quan và trao đổi thông tin.

• **Đánh giá tác động của di sản (HIAs):** Hồng Kông là một

thành phố đã sử dụng phương pháp đánh giá tác động đối với di sản để đảm bảo sự phát triển mới không gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến di sản (tham khảo mục 4.3).

Thực hiện: khảo sát ảnh hưởng đối với di sản và hoàn thiện các tiêu chuẩn đánh giá.

• **Báo cáo giám sát:** Bản báo cáo của UNESCO về khu di tích Luang Prabang đã phân tích sự thích hợp của các di tích được lựa chọn để bảo tồn và nghiên cứu hiệu quả của các cơ quan địa phương.

Thực hiện: lập các tài liệu giám sát và các công cụ thẩm định giá trị.

• **Nâng cao năng lực:** Tiến hành đào tạo các nhà hoạch định trong lĩnh vực quản lý di sản. Việc đào tạo cũng được thực hiện đối với các kiến trúc sư, các chuyên viên đầu tư phát triển và các nhà xây dựng.

Thực hiện: xác định nhu cầu về đào tạo và thiết lập những tiêu chuẩn trong đào tạo và nghề nghiệp.

• **Quảng bá di sản:** nhận thức là vấn đề sống còn đối với sự thành công của việc bảo tồn trong tương lai (xem thêm mục 3.2)

Thực hiện: thu hút sự tham gia của cộng đồng và phương tiện truyền thông

Bảng 3.1.2

Các biện pháp khuyến khích bảo tồn di sản

Luôn có một ranh giới mong manh giữa các mục tiêu bảo tồn di sản của xã hội với mong muốn cải tạo các di sản thuộc quyền sở hữu tư nhân của các chủ sở hữu di sản đó. Việc tự công nhận một số công trình xây dựng tư nhân là khu di tích hay được chính quyền công nhận là có giá trị di sản ở cấp địa phương có thể gây tranh cãi.

Nhiều quốc gia đưa ra khích lệ những người chủ di sản thông qua những biện pháp sau:

- 1- Ở Sydney, Australia, một vị trí có tiềm năng phát triển nằm trong danh mục các khu di tích có thể được chuyển sang khu di tích khác và chính tiềm năng phát triển đã được chuyển đổi này có thể được đem bán.
 - 2- Ở Singapore, các công trình di sản không bị ràng buộc bởi luật xây dựng và các yêu cầu khác như cung cấp bãi đỗ xe, phí phát triển và tỉ lệ giữa các công trình xây dựng.
 - 3- Ở New York, Mỹ, các công trình di sản không bị hạn chế bởi qui định từng vùng hay bị kiểm soát về hình dáng xây dựng.
- Một giải pháp thông thường khác là đưa ra các khuyến khích về tài chính cho chủ sở hữu các công trình di sản
- 4- Ở Hội An, Việt Nam, người chủ của các ngôi nhà di sản được cung cấp những khoản vay không lãi suất cho mục đích bảo tồn di sản.
 - 5- Ở Los Angeles, Mỹ, những cắt giảm về thuế được áp dụng cho những người sở hữu di sản để tiến hành những sửa chữa nghiêm túc.
 - 6- Ở Chicago, Mỹ, những người sở hữu di sản sẽ phải chịu phạt nếu không tuân theo luật di sản.
 - 7- Ở Elmina, Ghana, người dân được tài trợ số phần trăm nhất định trong chi phí sửa chữa nếu họ trở thành thành viên của tổ chức những người sở hữu nhà ở.

Những ảnh hưởng tiêu cực : Sự hồi sinh của thành phố Lệ Giang (Lijang)

Ở Trung Quốc, Lệ Giang là một thành phố thương mại 800 năm tuổi, nổi tiếng với sự đa dạng về sắc tộc và mức độ bảo tồn kiến trúc. Kể từ khi được vào danh mục các di sản thế giới năm 1997, du lịch ở đây bùng nổ mạnh mẽ và thành phố này đã phải trải qua những thay đổi về thương mại và vật chất để thích nghi với vai trò mới của mình.

Trong khi hầu hết các thay đổi này đã được tính toán bởi các nhà chức trách, một vài thay đổi lại có ảnh hưởng xấu đến di sản vật thể và phi vật thể của thành phố. Ở vị trí có tính lịch sử nhất của thành phố, giá cho thuê cao, và những thay đổi trong việc sử dụng đất đã khiến nhiều người cao tuổi cho thuê chính ngôi nhà của mình ở khu vực trung tâm,

nơi mà chỉ một số mặt hàng dành cho khách du lịch được bày bán, điều này làm giảm đi tính văn hóa địa phương. Trong khi chính phủ đang cố gắng phát triển các ngành nghề thủ công và có những khuyến khích đặc biệt cho người dân địa phương, thì người dân ở đây vẫn vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ những người kinh doanh nhập cư và công nghệ sản xuất hàng lưu niệm hàng loạt với giá thành rẻ.

Di sản kiến trúc đã và đang phải chứng kiến việc những ngôi nhà có giá trị lịch sử bị thay thế bởi nhiều công trình mới mang phong cách nửa hiện đại nửa cổ điển. Cho dù đã có nhiều hướng dẫn trong vấn đề tôn tạo, các nhà chức trách địa phương vẫn cho rằng những điều hướng dẫn trên còn mập mờ, khó hiểu, và bị ép buộc một cách không thỏa đáng. Hơn thế nữa, thành phố này còn thiếu nơi đào tạo các kiến trúc sư địa phương và các nhà xây dựng về vấn đề bảo tồn di sản.

Theo những nghiên cứu của Dự án Di sản châu Á ARCH, sự nghèo nàn trong việc giáo dục về du lịch và người dân địa phương không có cơ hội tham gia đã góp phần vào sự ra đi của dân chúng trong vùng. Những người sở hữu di sản hiếm khi được phép tham gia vào công việc hoạch định chính sách. Thêm vào đó là những khó khăn của người dân trong việc thích nghi với nền kinh tế được thúc đẩy bởi du lịch

3.2 QUẢNG BÁ VÀ NHẬN THỨC VỀ DI SẢN

QUẢNG BÁ: những tài liệu về một nỗ lực bảo tồn sẽ khiến cho việc quảng bá về khu di sản trở nên dễ dàng hơn. Khi một dự án bảo tồn di sản được hoàn thành, nó sẽ nâng cao nhận thức về những nỗ lực bảo tồn và đưa khách du lịch đến với khu di tích.

Những người dân sống trong khu di tích thường không ý thức đầy đủ được rằng môi trường sống xung quanh họ đều có nguồn gốc lịch sử lâu đời hay có tiềm năng thu hút khách du lịch. Những tài liệu thực tiễn và việc tuyên truyền đem lại những lợi ích như: họ có niềm tự hào và quyền sở hữu trong một cộng đồng, tập hợp những điều kiện thuận lợi cho các nỗ lực bảo tồn và đặt nền tảng cho vấn đề thúc đẩy du lịch.

BẢNG CHỈ DẪN: Sau khi đọc biển chỉ dẫn, khách tham

quan sẽ dành nhiều thời gian hơn cho việc khám phá một khu di tích hay quan sát biểu hiện của một nền văn hóa truyền thống. Những bảng chỉ dẫn này có thể được đặt trên đường phố, dựa trên những bờ tường hay tại những điểm nghỉ chân. Các bảng rôn cũng có thể được dùng để cung cấp những thông tin cho du khách.

BẢN ĐỒ VÀ SÁCH HƯỚNG DẪN DU LỊCH: Bản đồ và sách hướng dẫn du lịch đưa ra cho khách du lịch nhiều thông tin và giúp họ lên kế hoạch cho các hoạt động tham quan của mình. Loại bản đồ có nhiều đoạn cung cấp thông tin về các yếu tố của di sản có vai trò kết nối sự hiểu biết về không gian của người đọc về một địa điểm nào đó với ý nghĩa văn hóa của chúng.

Các sách hướng dẫn được xuất bản để chia sẻ thông tin và lịch sử của một địa điểm. Những nội dung trên còn bao gồm cả những nỗ lực bảo tồn và sự ghi nhận đối với các nguồn tài trợ.

QUẢNG BÁ BẰNG PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG: Việc nâng cao ý thức về di sản làm tăng sự ủng hộ cho việc bảo tồn. Bằng việc sử dụng tạp chí và các kênh tin tức, truyền hình địa phương, các câu chuyện về công cuộc bảo tồn và các di sản sẽ nâng cao niềm tự hào trong cộng đồng và thu hút khách du lịch địa phương.

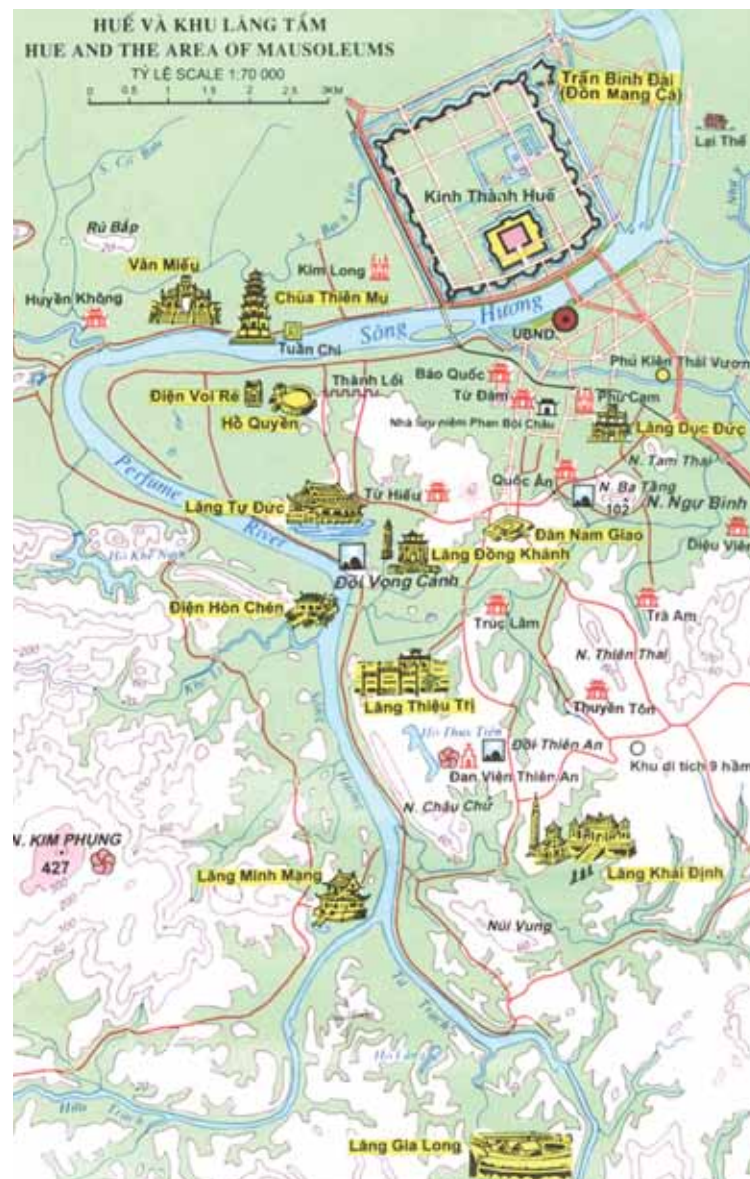
Việc quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông còn có một vài hình thức ít trực tiếp hơn. Do các khu di tích thường có một giá trị thẩm mỹ riêng biệt, chúng thường được các ngành công nghiệp sáng tạo và có tính thẩm mỹ đưa vào sử dụng (như ngành công nghiệp sản xuất phim, các nhiếp ảnh gia sử dụng làm ngoại cảnh cho album ảnh cưới...) Giải thưởng là một cách khác để khuyến khích các

phương tiện truyền thông tham gia trong việc nhìn nhận chất lượng của công việc bảo tồn. (xem thêm bảng 3.2.1)

GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG: Việc cộng đồng tiếp cận giáo dục di sản cũng được đưa vào xem xét. Một cách khác là khuyến khích sự tham gia của các trường học địa phương. Các nỗ lực bảo tồn di sản là cơ hội tốt cho trẻ em, để giúp chúng bắt đầu có ý thức về di sản và hiểu biết về lịch sử của thành phố và các vùng xung quanh.

Khi các dự án hoàn thành, các thành viên của cộng đồng, đặc biệt là những người đóng góp cho sự thành công của dự án được mời tới để chúc mừng những cố gắng của họ. Những dịp này còn là cơ hội để khuyến khích sự quan tâm của cộng đồng và cương vị quản lý của một di sản.





Bảng 3.2.1 Nhìn nhận việc bảo tồn di sản ở Singapore

Thành phố Singapore công nhận những việc làm đáng chú ý trong lĩnh vực bảo tồn di sản hàng năm. Các giải thưởng di sản kiến trúc của thành phố được trao dựa trên hai tiêu chí. Một là cho những việc tốt nhất đối với di tích quốc gia và bảo tồn đầy đủ các công trình. Giải thưởng này dựa trên tiêu chí 3R (maximum Retention, sensitive Restoration and careful Repair): duy trì tối đa, tôn tạo tinh tế, và sửa chữa thận trọng. Hai là bao gồm các công trình pha trộn giữa các yếu tố truyền thống với sự phát triển và thiết kế hiện đại. Các công trình để cử được xem xét bởi Hội đồng thẩm định, cùng với đại diện của chính phủ và các trường đại học. Trung bình, Hội đồng thẩm định chọn ra sáu công trình mỗi năm.

CHƯƠNG 4:

BẢO TỒN DI TÍCH KIẾN TRÚC



Lịch sử của một thành phố gắn liền với những di tích kiến trúc của nó. Trong tâm trí của mình, người dân thường gắn những kỷ ức và những bài học lịch sử mà họ được thừa hưởng với việc xây dựng các kiến trúc xung quanh. Khi các kiến trúc này bị chuyển đổi hoặc bị phá huỷ, sự nhận thức về khía cạnh lịch sử của các công trình di sản sẽ bị phai nhạt. Việc bảo tồn những di sản là các công trình xây dựng là một phần rất quan trọng của văn hoá và phát triển văn hoá trong tương lai. Để bảo tồn được di tích kiến trúc thành công, các nhà hoạch định chính sách nên áp dụng những điều luật một cách chặt chẽ, nhưng cũng nên nhận thức rõ rằng mỗi một di sản cần có kế hoạch riêng phù hợp.

4.1 PHÁC THẢO NHỮNG ĐIỀU LUẬT ĐỊA PHƯƠNG VÀ HƯỚNG DẪN VỀ THIẾT KẾ

Ở Việt Nam, chính quyền địa phương (Ủy ban Nhân dân) chịu trách nhiệm quản lý và phát triển khu vực đô thị. Khi việc quản lý và phát triển liên quan đến di sản đô thị, trách nhiệm này cần được chia sẻ với uỷ ban hoặc cơ quan chuyên trách về bảo tồn (giống như ở Hà Nội, Hội An và Huế). Vai trò và trách nhiệm giữa các cơ quan chuyên

trách về bảo tồn và Ủy ban nhân dân không phải lúc nào cũng rõ ràng (Liên hệ Chương 6 để biết những chi tiết liên quan đến trách nhiệm được quy định trong các văn bản pháp luật)

Để ngăn chặn việc sao chép những đặc trưng mang tính chất lịch sử của các vùng lân cận trong cải tạo và xây mới, các chính quyền địa phương nên phổ biến những quy định riêng của từng địa phương. Ở Việt Nam, những quy định này có thể được soạn thảo bởi các chuyên gia về di sản ở thành phố, quận hoặc phường (hoặc do các hội đồng/uỷ ban đặc biệt). Những quy định này nên được phổ biến rộng rãi và áp dụng triệt để. Để việc áp dụng được hiệu quả hơn, những quy định nên được áp dụng như một phần của một bộ luật có tầm ảnh hưởng lớn hơn.

Những vùng thành thị lân cận có nhiều di tích cũng nên phổ biến những hướng dẫn về thiết kế để làm hài hoà và thống nhất về phong cách kiến trúc. Khi những quy định không được thi hành thì những hướng dẫn về thiết kế kiến trúc là rất cần thiết. Việc soạn thảo các quy định và những hướng dẫn về kiến trúc nên được tiến hành bởi các uỷ ban chiến lược với sự tham gia của các nhà quy hoạch đô thị, kiến trúc sư, nhà sử học, luật sư, những nhà điều hành luật và những người đại diện của các vùng lân cận.

Bảng 4.1.1

Những hướng dẫn về kiến trúc ở nước Mỹ

Ở nước Mỹ, có khoảng 2.300 di sản địa phương được phổ biến những hướng dẫn và điều luật về thiết kế

- Theo hướng dẫn ở khu vực sông Portlan thì “Biển hiệu và mái hiên phải phù hợp và tôn lên kiến trúc của công trình”
- Theo hướng dẫn ở khu di tích lịch sử đồi Chapel thì “sự hài hoà của hệ thống công trình kiến trúc là rất quan trọng trong việc tạo dựng một môi trường hài hoà tổng thể. Điều này đòi hỏi việc tổ chức những nhân tố của công trình hoặc không gian giữa chúng theo một trật tự mang tính logic và liên tục.

4.2 TU BỔ DI TÍCH

Việc lựa chọn cách tiếp cận đối với một di tích cụ thể phụ thuộc vào lợi ích của những người có liên quan. Nếu một cách tiếp cận tích cực được lựa chọn thì việc cải tạo sẽ củng cố thêm giá trị của khu di tích lịch sử đó.

Ở những di tích lịch sử thuộc sở hữu công cộng hoặc được tài trợ, có một số vấn đề chung có thể tránh được và một vài chiến lược có thể được áp dụng như sau:

- Kiểm soát chi phí: KHÔNG NÊN
 1. Không chi trả quá nhiều cho việc kiếm lợi nhuận
 2. Không tiêu quá nhiều cho việc xây dựng lại; dự tính trước người mua, người thuê và không nâng cấp quá mức.
 3. Không giao việc quản lý tài chính cho kiến trúc sư, đồng thời cũng không giao quyền thẩm định thiết kế cho những người nắm giữ tài chính.
- Chiến lược về di sản: NÊN
 1. Nên tiến hành những hoạt động khảo sát đánh giá chi tiết về di tích
 2. Nên có những cuộc trao đổi trước với những nhà soạn thảo luật và những quan chức nhà nước
 3. Chỉ nên thuê những kiến trúc sư có kinh nghiệm về tu sửa và nâng cấp



Tốt nhất nên dựa vào các kiến trúc sư và thợ xây dựng có kiến thức và kinh nghiệm về tu bổ di tích

(Ba mục cuối này cũng áp dụng cho những di sản thuộc sở hữu cá nhân)

4. Nên tạo ra những thay đổi hai chiều nhiều nhất có thể
5. Nên chuẩn bị cho việc tái sử dụng một cách phù hợp và có kế hoạch cho việc sử dụng chúng
6. Nên kêu gọi nhiều nguồn tài trợ

Khi áp dụng những nguyên tắc của việc tái sử dụng một cách phù hợp, hãy để những công trình đó nói cho bạn biết nên tu sửa như thế nào bằng những phân tích chính xác về thiết kế và các tiềm năng sử dụng của nó.

Đối với các di tích thuộc sở hữu tư nhân, nguồn tài trợ và cách tiếp cận phức tạp hơn rất nhiều. Việc đó đòi hỏi một cách tiếp cận linh hoạt và sáng tạo đối với việc quản lý di sản gắn liền với lợi ích của những bên liên quan.

Khi chọn lựa cách tiếp cận cho một khu di tích nhất định và phác thảo những chi tiết của thiết kế, những chuyên gia về di sản nên tư vấn cho những chủ sở hữu và nhà xây dựng. Các quy định về thiết kế nên được thể hiện rõ ràng cho những nhà xây dựng vì sau đó họ phải trình bày những vấn đề này trong bản Đánh giá tác động đối với di sản (theo chương 4.3). Khi những quy định về bảo tồn không được hiểu đầy đủ, có thể sẽ bàn bạc thêm về các chi tiết thiết kế với chủ sở hữu di sản (liên hệ với phần 4.2.1).



Qua việc dự đoán người mua hoặc người sử dụng các công trình di sản, nhà quy hoạch có thể có những quyết định thực tế về chi phí và quản lý



Kiểm soát chi phí bảo tồn là chìa khóa cho việc thành công. Cân bằng giữa mong muốn của kiến trúc sư với mong muốn của nhà tài trợ



Một trong những mục tiêu của việc tu bổ tôn tạo là duy trì tính nguyên vẹn của công trình. Tại công trình này, tính nguyên vẹn đã bị giảm sút



Lập kế hoạch để tái sử dụng thích nghi và sử dụng một cách linh hoạt để đảm bảo công trình có thể đóng góp vào nền kinh tế



Cần có những phân tích về mặt vật chất một cách kỹ lưỡng trước khi tiến hành tu bổ tôn tạo để đảm bảo rằng công trình được an toàn



Các hướng dẫn ở công trình Galveston, Mỹ đã khuyến khích các kiến trúc sư “nhấn mạnh cửa trước và hướng ra trục đường chính” nhằm tiếp tục theo đuổi triết lý về thiết kế trong quá khứ

Một điều nên làm trong quá trình tiến hành thỏa thuận cụ thể cho công trình là cần đưa ra một tầm nhìn chi tiết. Tầm nhìn đó phải phản ánh giá trị của di sản, quan điểm của cộng đồng và ý kiến của kiến trúc sư (Xem biểu mẫu ở cuối tài liệu này).

Bảng 4.2.1 **Đàm phán với chủ sở hữu di sản**

Với nỗ lực bảo vệ di sản thuộc sở hữu tư nhân ở phía ngoài những khu di tích lịch sử, thành phố Vancourver của Canada đã sử dụng “Hợp đồng tái tạo di sản”. Những bản hợp đồng này đem lại lợi ích cho cả thành phố và chủ sở hữu di sản và giúp ngăn chặn sự phá hủy hoặc mai một của các công trình di sản. Thông qua các cuộc đàm phán với chủ sở hữu di sản, một bản hợp đồng mang tính chất ràng buộc giữa hai bên được ký kết thay thế cho những điều luật về di sản của thành phố.

Những bản hợp đồng này có thể thay đổi các yêu cầu trong khu vực, đa dạng hoá mật độ các công trình. Không giống như những hợp đồng được đề cập đến trong mục 3.1.2, các Hợp đồng tái tạo di sản này là những hợp đồng riêng biệt chỉ áp dụng cho một tài sản cụ thể.

Ví dụ về một Hợp đồng tôn tạo di sản

Để bảo tồn một khách sạn mang tính lịch sử và để xây dựng một công trình khác bên cạnh nó đòi hỏi phải có một sự đầu tư lớn cho công việc khôi phục. Thành phố Vancourver đã đàm phán một hợp đồng tôn tạo di sản với chủ sở hữu của nó theo những điều mà họ quan tâm, bao gồm:

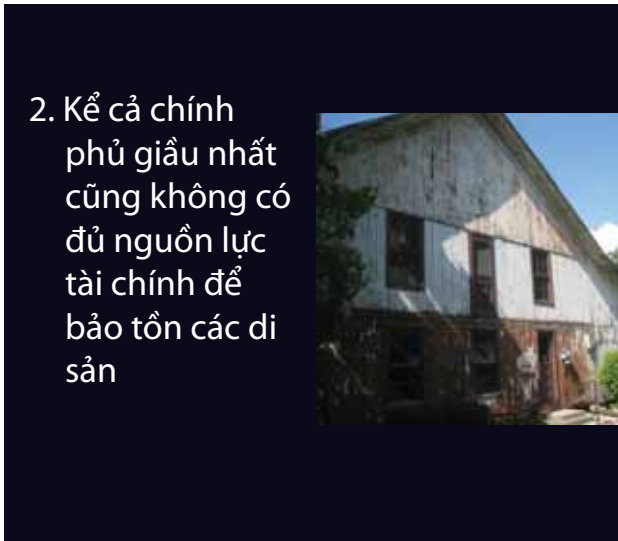
- 1. Bản hợp đồng này mô tả chi tiết những gì sẽ được tôn tạo và nghiêm cấm việc cải tạo nằm ngoài những điều khoản cho phép
- 2. Hợp đồng thay đổi các yêu cầu về vị trí, yêu cầu chuyển dịch toà nhà mới nhằm xây dựng nó ở cách xa đường
- 3. Hợp đồng cho phép sử dụng không tuân theo các chuẩn mực chung bao gồm việc cho thuê
- 4. Hợp đồng làm tăng tính đa dạng có thể chấp nhận được của di sản

Đổi lại, chủ thể sở hữu đã đồng ý khôi phục, duy trì và bảo vệ phía bên ngoài của công trình. Chủ sở hữu cũng đồng ý khôi phục sảnh bên trong, cầu thang tráng lệ và phòng khách của ngôi nhà, hơn là thay thế chúng bằng những vật liệu mới.

Bốn thực tế đối với di sản



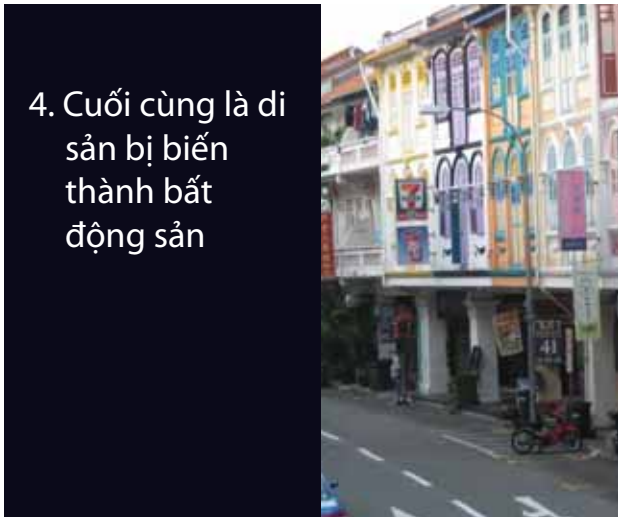
1. Có rất nhiều di sản đáng được bảo tồn hơn là bị biến thành viện bảo tàng



2. Kể cả chính phủ giàu nhất cũng không có đủ nguồn lực tài chính để bảo tồn các di sản



3. Điều nguy hiểm nhất đối với di sản là:
a) Không có tiền đầu tư
b) Có quá nhiều tiền đầu tư



4. Cuối cùng là di sản bị biến thành bất động sản

4.3 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI DI SẢN

Để đảm bảo việc phát triển mới không ảnh hưởng xấu đến những di sản đô thị đang tồn tại, nhiều thành phố sử dụng phương thức “Đánh giá tác động đối với di sản (HIAs)”.

Ở Hồng Kông, HIAs là bắt buộc đối với các dự án cải tạo di sản đã có trước đó. Nó cũng được khuyến khích áp dụng đối với bất kì sự nâng cấp nào cách khu di sản trong vòng 50m.

Mục 4.3.1 Hồng Kông : Khi nào HIA là bắt buộc?

Ở Hồng Kông, từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 trở đi, những nhà hoạch định dự án vốn nội địa cần phải làm một bản điều tra để xác định xem liệu những dự án sắp tiến hành có ảnh hưởng đến các khu di sản hay không. Nếu có, những dự án đó phải tiến hành phương thức Đánh giá tác động đối với di sản (HIAs).

Bước đầu tiên là phải xác định di sản nào cần áp dụng HIAs. Văn phòng về di tích và cổ vật ở Hồng Kông chịu trách nhiệm tiến hành nghiên cứu để phân loại di sản theo các mục sau:

- (i) Tất cả các di sản gắn với mục tiêu nghiên cứu của ngành khảo cổ học
- (ii) Tất cả các công trình kiến trúc trước năm 1950
- (iii) Các công trình kiến trúc sau năm 1950 có ý nghĩa giá trị về lịch sử và kiến trúc
- (iv) Các danh lam thắng cảnh, những địa điểm về sự kiện lịch sử hoặc nơi ghi dấu ấn lịch sử quan trọng cũng như các công trình và di tích có ý nghĩa kiến trúc và khảo cổ.

Thông tin liên quan đến di sản cụ thể được đảm bảo bởi Văn phòng về di tích và cổ vật thông qua việc đánh giá kết quả, các khảo sát về khảo cổ học và những phân tích xác thực những dấu tích về lịch sử.



Bước 1: Xác định nhu cầu để áp dụng HIAs

Để xác định nhu cầu này, hai câu hỏi được đặt ra cần trả lời hợp pháp và rõ ràng

Thế nào là di sản đã được công nhận?

Những di sản được công nhận phải có quyết định xếp hạng của các cấp có thẩm quyền (theo Chương 6.1). Quy định về việc xếp hạng này được nêu rõ trong Luật Di sản văn hoá và Nghị định 92/2002 ND-CP của Chính phủ (Phụ lục 1 và 2)

Điều gì gây nên sự ảnh hưởng?

Điều 4 của Nghị định 92 đề cập rất rõ ràng về những vấn đề tạo nên sự ảnh hưởng đối với di sản

Quá trình mở rộng không tôn trọng những nét đặc trưng nguyên gốc của di sản và những hoạt động làm tổn hại đến giá trị của di sản đều gây nên ảnh hưởng tiêu cực. Để giải quyết vấn đề với di sản cụ thể, các ban ngành địa phương có thể được tư vấn nhiều hơn nữa.

Bước 2: Xác định mức độ ảnh hưởng của quá trình phát triển

Các chuyên gia nghiên cứu có thể phân biệt mức độ ảnh hưởng thành 2 loại sau:

1. Dự án có mức ảnh hưởng rất nhỏ đến khu di sản. Trong trường hợp này chỉ cần áp dụng một phần của phương thức HIAs.
2. Dự án có mức ảnh hưởng trung bình hoặc nghiêm trọng đến khu di sản. Trong trường hợp này cần áp dụng đầy đủ phương thức HIAs.

Bước 3: Đề trình bản Đánh giá tác động đối với di sản

Ở bước thứ 3 này, các nhà hoạch định dự án nên đệ trình một bản HIA đầy đủ hoặc từng phần. Một bản HIA đầy đủ, được áp dụng cho các dự án có mức ảnh hưởng trung bình hoặc nghiêm trọng đến khu di sản, ít nhất nên bao gồm những mục sau:

- Bản mô tả chi tiết về dự án phát triển sẽ được tiến hành, bao gồm cả những thông tin về khu di sản, bản thiết kế, kích cỡ và quy mô của quá trình phát triển
- Dữ liệu cần thiết để xác định và đánh giá tác động chủ yếu của



quá trình phát triển đối với môi trường (dựa vào thông tin được đệ trình bởi các nhà hoạch định dự án trong bước 2)

- Bản mô tả về phương pháp được đưa ra để tránh, giảm và nếu có thể khắc phục những tác động bất lợi (còn gọi là phương pháp khắc phục) cũng như là chi phí và danh sách các nhân tố có liên quan.
- Bản phác thảo về những cách thức chủ yếu được các nhà hoạch định dự án đề ra và việc trình bày những lí do chính của việc lựa chọn phương án can thiệp vào di sản văn hoá cũng như ảnh hưởng đến môi trường và xã hội như thế nào

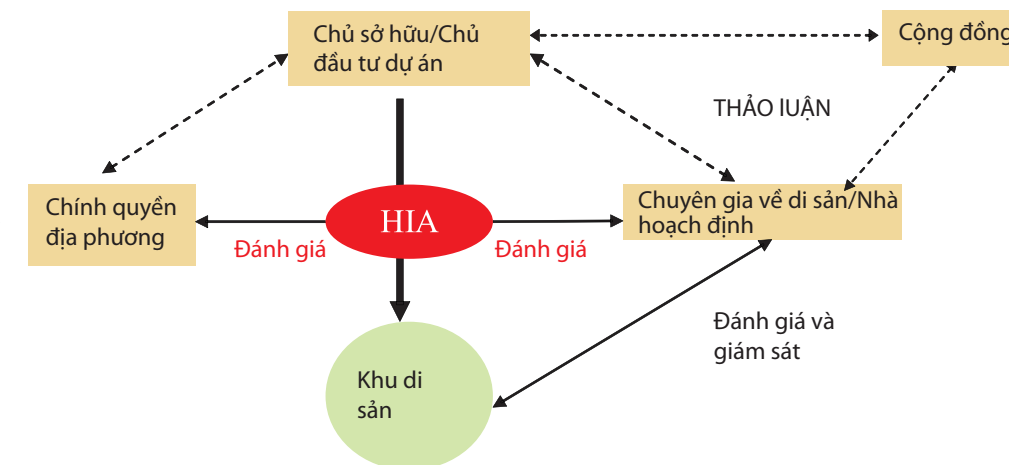
- Bản tổng kết ngắn gọn về những thông tin được nêu trên

Một bản HIA từng phần, được áp dụng với những dự án có mức ảnh hưởng không đáng kể lên khu di sản, ít nhất nên gồm ba mục đầu tiên nêu trên.

Bước 4: Xem xét bản HIA và phương pháp khắc phục

Ở bước cuối cùng này, các nhà chức trách có thẩm quyền xem xét bản đánh giá sự ảnh hưởng đã được đệ trình và đưa ra quyết định tán thành hay phản đối, dựa trên tiêu chuẩn có sẵn của bản HIAs

Trong trường hợp tán thành, những nhà hoạch định dự án cần dựa vào quan điểm của các chuyên gia về di sản văn hoá để tiếp tục tiến hành dự án, tất nhiên cần phải áp dụng những phương pháp khắc phục đã được đệ trình trong bản HIAs. Trong trường hợp phản đối, những nhà hoạch định dự án cần phải xem xét lại và đệ trình một bản dự án khác.



CHƯƠNG 5:
**THIẾT KẾ
BẢO TỒN, TÔN TẠO**



Có nhiều vùng đô thị cổ của Việt Nam phát triển quá lộn xộn : đường dây điện chằng chịt; các tấm biển quảng cáo quá khổ và sự xuống cấp ẩn dẫu bên trong những ngôi nhà có giá trị cả về mặt lịch sử văn hóa lẫn kiến trúc. Những dấu ấn của các đô thị phát triển gần đây che lấp dần các đô thị cổ và các công trình di sản, tạo nên sự không hài hòa cả về tính phù hợp lẫn cảnh quan. Các khu vực đã ổn định, phong cách kiến trúc và những thành phần bổ sung trên các đường phố tạo ra nhiều hiệu ứng trái ngược nhau, trong đó có cả việc tạo nên sự thiếu tôn trọng các khu vực di sản.

5.1 THIẾT KẾ KIẾN TRÚC

Khi cải tạo lại những chỗ bị hư hỏng hay những yếu tố

làm giảm giá trị di sản của công trình, người lập kế hoạch đầu tiên phải cân nhắc đến yếu tố “**CẢI TẠO TRƯỚC THAY THẾ**”. Còn nếu cần thiết phải thay thế thì những vật liệu mới phải có tính tương đồng với các vật liệu gốc của công trình, về trang trí, màu sắc và kiểu dáng., tất yếu để phân biệt rõ đặc trưng lịch sử của công trình.

Khi sự biến đổi tạo nên đặc tính của di tích, thì giải pháp tốt là giữ lại những thay đổi này cho công trình. Đôi khi trong tương lai, các yếu tố này cần phải tu sửa hoặc loại bỏ, phù hợp với lịch sử, yếu tố thẩm mỹ hay lý do công năng. Vì vậy những thành phần này, cả về giải pháp và vật liệu, cần phải được thiết kế sao cho có thể tháo dỡ mà không làm ảnh hưởng đến hình dạng cơ bản cũng như tính toàn vẹn của công trình.

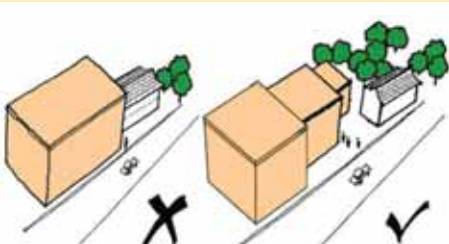
Bảng 5.1.1

Hồng Kông SAR

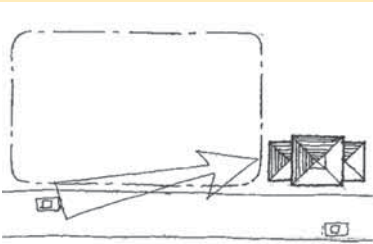
Ở Hồng Kông, những công trình mới được xây dựng bên cạnh khu vực di tích luôn phải đảm bảo tính tôn trọng và độ ổn định tuyệt đối tới quần thể di tích. Luật pháp bắt buộc “ Các công trình xây dựng lớn phải đảm bảo một khoảng cách lớn nhất có thể tính từ khu vực xây dựng đến khu vực di tích” (Hình 1 và 2). Bên cạnh đó, góc nhìn của khu vực di tích phải được mở rộng một cách tối đa (Hình 3).



Hình 1



Hình 2



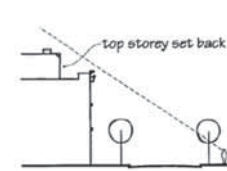
Hình 3

Bảng 5.1.2

Khu phố người Hoa ở Vancouver, Canada



Hình 1



Hình 2

Các di sản kiến trúc ở Vancouver, Canada được tổ chức theo chuỗi liên mạch về mặt tạo hình, đảm bảo tính đồng nhất với khu phố người Hoa. Nó bao gồm sự nhấn mạnh về mặt đứng (độ cao cửa sổ, cột), lẫn việc sử dụng các màu sắc tươi sáng, và một lượng lớn các bảng hiệu nhỏ bằng gỗ. Họ luôn cân nhắc kỹ lưỡng sự quan trọng giữa chiều rộng và chiều cao, hình thức tạo hình, để gìn giữ tính xác thực của công trình.

Với vai trò là khu phố lịch sử, phố người Hoa ở Vancouver, đã tự tạo riêng cho mình quy chuẩn thiết kế. Những quy chuẩn này, lấy ví dụ cụ thể, là kích thước giới hạn của chiều rộng phần cửa hàng buôn bán phía trước hay sự phân chia của các cột nhà chỉ cách nhau một khoảng 7.6m (Hình 1). Họ đặt các quy tắc về chiều cao của từng phần trong mỗi tương đồng với các công trình liên kế khác cũng như chiều cao của các tầng phải cao hơn mặt trước và đẩy lùi một chút về phía sau (Hình 2). Thành phố đã ấn định các nguyên tắc này cho cả những khu vực có di tích lẫn những khu vực có các công trình mới xây dựng.

Bảng 5.1.3

Bảo tồn khu trung tâm, San Francisco, Mỹ

Thành phố San Francisco là nơi mà tỷ lệ của công trình được nhấn mạnh ở các khu vực di sản, tuy nhiên lại ít đặt điểm nhấn vào chi tiết tạo hình kiến trúc, vì họ nhận ra được sự quan trọng của tính không đồng nhất và tính riêng biệt của từng khu vực di sản

Trong hình 1, “Các ngôi nhà trong từng cụm mang sự đa dạng cả về hình thức lẫn chi tiết, tuy nhiên, tỷ lệ của các ngôi nhà đồng nhất, giúp dễ dàng nhận ra được tính cách đặc trưng của từng cụm.” Hình 2 cho thấy tính không phù hợp của các ngôi nhà với sự khác biệt rõ rệt về hình khối cũng như mái nhà được tạo hình khác với những ngôi nhà còn lại trên phố.

Hình 3 nhấn mạnh tính quan trọng của các ô cửa sổ mới phải phù hợp với tỷ lệ cửa sổ những ngôi nhà còn lại trên con phố. Trong quá khứ, những ô cửa sổ truyền thống thường có tỷ lệ nhỏ



Hình 1



Hình 2



Hình 3

5.2 QUẢNG CÁO VÀ BIỂN HIỆU

Những thiết kế tương phản và vị trí đặt biển hiệu thường tạo ra tác động tiêu cực. Các biển hiệu lác đệu sẽ che lấp và gây khó khăn trong việc nhận biết các điểm di tích.

Những yếu tố ảnh hưởng tích cực tới cảnh quan khu vực di tích:

- Tương đồng trong kích thước biển hiệu
- Các yếu tố hiện đại được kiểm soát – hòa nhập giữa cũ và mới
- Tương đồng về màu sắc và phối màu
- Tương đồng hóa trục đứng và trục ngang
- Các biểu tượng công ty được thể hiện một cách hiện đại và nhỏ gọn.



5.3 TUYẾN PHỐ VÀ CÁC MẢNG ĐÔ THỊ

Việc thiết kế tuyến phố là một thực tế quan trọng tạo nên sự cảm nhận về vị trí. Ở Việt Nam, tiềm năng và sức sống của cảnh quan đường phố thường tạo ra sắc thái cho khu vực. Những thay đổi quy mô nhỏ có thể mang lại tính cân đối cho cảnh quan đường phố trong khi đó lại nhấn mạnh các công trình kiến trúc và văn hóa của tuyến phố. Các mảng đô thị được nhận biết bằng sự hỗ trợ của việc thiết kế tốt tuyến phố, với sự liên kết các di sản vật thể và phi vật thể.

Đường phố

Thùng rác
Biển quảng cáo di động
Ghế ngồi / ô che
Dây điện
Trạm biến áp
Ghế dài

Môi trường

Cây xanh (cây to, cây bụi)
Ánh nắng
Gió thổi
Mùi nước cống/rác thải

Kiến trúc

Biển quảng cáo/biển hiệu
Máy điều hòa nhiệt độ
Kiểu dáng ban công
Mái tôn
Các ống thoát nước
Các mái hiên/mái che/
chiếu sáng đường phố



Có nhiều nét đặc trưng thú vị trong Khu đô thị cổ Hội An. Không có những biển hiệu lộ liễu, ngoại trừ một số các biểu ngữ nhỏ. Chiều cao của các tầng gần giống nhau và các yếu tố hiện đại (đường ống kỹ thuật, điều hòa không khí...v.v) đều được giấu hoặc được ngụy trang. Trong khi đó, mớ dây điện lộn xộn trên đầu thì được treo cao hơn so với phần lớn các thành phố khác của Việt Nam.



Việc bảo tồn các di tích tại Khu phố cổ Hà Nội đã không tôn trọng cảnh quan truyền thống. Các công trình xung quanh di tích mang trên mình những biển quảng cáo quá khổ và tràn lan. Đường dây điện chằng chịt chạy trên cao góp thêm phần hỗn độn trên đường phố.



Trên tuyến phố này, các búi dây điện được treo rất thấp. Các biển hiệu ở cửa hàng ảnh ở khu trung tâm quá dư thừa, màu sắc mạnh không ăn nhập với sắc màu của đường phố và những ngọn đèn hiện đại quá sáng.

Bảng 5.3.1

Khảo sát đường phố ở Khu phố cổ Hà Nội

Một khảo sát trong khu vực phố cổ Hà Nội của công ty ALMEC đã phân tích quan điểm của người dân ở đây đối với việc thiết kế tuyến phố và cảnh quan nơi họ sống. Cảm nhận của người dân về tình trạng các đường dây điện chằng chịt, các biển quảng cáo quá khổ và sự không tương đồng về màu sắc tạo nên các yếu tố tiêu cực. Đồng thời, người dân cũng phàn nàn về việc thiếu các khoảng không gian đi bộ, sự không đồng nhất của chức năng đô thị và các bãi đỗ xe tràn lan trên hè phố.

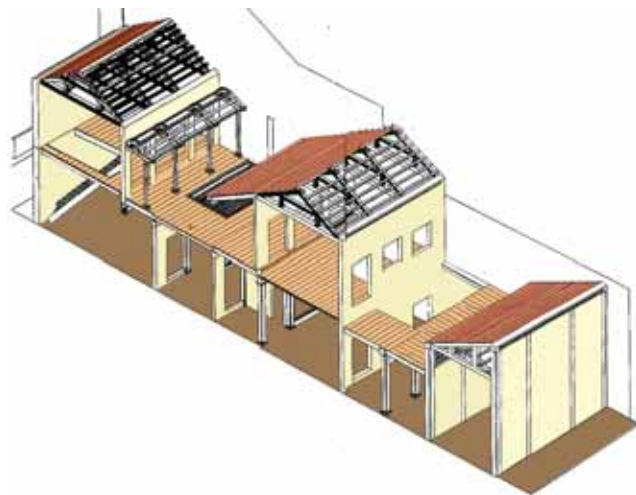
5.4 CÁC VÍ DỤ Ở VIỆT NAM





Phía dưới bên trái: phác họa một ngôi nhà ống mặt phố điển hình ở Việt Nam. Bên trong và các chi tiết bằng gỗ của ngôi nhà.

Phía trên, ở giữa: nhà vườn đặc trưng ở Huế



Khu phố cổ Hà Nội



Trong khu vực phố cổ, văn hóa phi vật thể vẫn tiếp tục được bồi đắp, thế nhưng, những yếu tố hiện đại thì cũng đang vươn tới. Một ngôi nhà (phía dưới, ở giữa) phải gánh chịu việc cải tạo ở trình độ rất thấp, với các cánh cửa cùng các vật liệu ngoại thất và các biển hiệu hiện đại ở mặt trước. Hai ngàn hàng liên nhau cũng trong khu vực phố cổ này (phía dưới, bên phải), một trong số đó được tu sửa lại từ ngôi nhà cũ, đã chọn một biển hiệu hiện đại, trong khi cái còn lại thì chọn lựa những vật liệu thời thượng cùng biển hiệu lớn..., tất cả điều này làm lu mờ giá trị lịch sử vốn có của công trình cổ.



Chương 6:

CƠ CẤU THỂ CHẾ VÀ LUẬT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ DI SẢN Ở VIỆT NAM



Trong khía cạnh hành chính công, việc quản lí di sản phụ thuộc vào vai trò lãnh đạo tốt. Hơn thế nữa, việc hiểu biết đầy đủ về những cơ chế đang được vận hành có tác dụng như những động lực cũng như ngăn ngừa là hết sức cần thiết để có thể thành công. Những quy định pháp luật về bảo vệ di sản là một cơ sở cốt lõi trong việc quản lí các di sản. Để những điều luật này trở nên có hiệu quả và được thi hành một cách nghiêm ngặt, việc bảo tồn di sản phải thiết lập sự ưu tiên về kinh tế và xã hội.

6.1 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DI SẢN

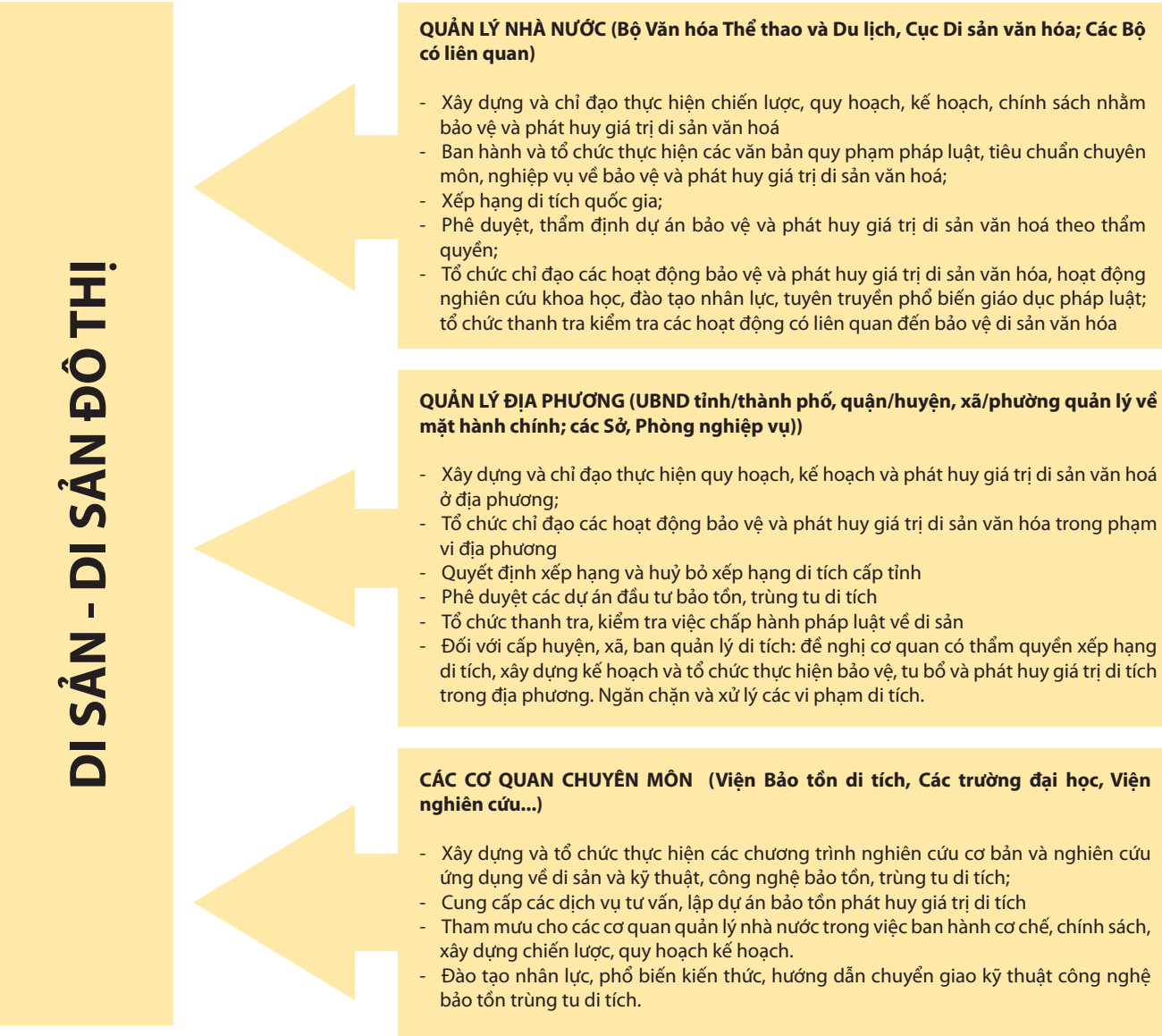
Luật Di sản văn hóa (Điều 54, 55, 56) bao gồm những nội dung chính về việc quản lí nhà nước về di sản văn hóa. Những trách nhiệm cụ thể của các ban ngành phụ thuộc vào mức độ quan trọng được phân công đối với mỗi khía cạnh của di sản vật thể và phi vật thể.

- 1. Trình bày rõ ràng và hướng dẫn thực hiện đầy đủ những chiến lược, kế hoạch và những chính sách về việc bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa.
- 2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về di sản văn hóa.
- 3. Tổ chức và đưa ra chỉ dẫn cho các hoạt động bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa; Phổ biến các điều luật và quy định về di sản văn hóa.
- 4. Tổ chức và quản lí việc nghiên cứu khoa học và những hoạt động đào tạo về di sản văn hóa.

- 5. Huy động và tận dụng các nguồn lực để bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa.
- 6. Khen thưởng những người có đóng góp đối với sự nghiệp bảo tồn và phát huy di sản.
- 7. Hợp tác với các tổ chức quốc tế để bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa.
- 8. Giám sát các hoạt động liên quan đến di sản và truy tố những hành vi vi phạm pháp luật về di sản văn hóa.



Cơ cấu tổ chức của việc quản lý và bảo tồn di sản



Phân cấp quản lý di tích ở Việt Nam

Loại di tích	Cấp xếp hạng	Cấp quản lý	Cấp phê duyệt các dự án đầu tư bảo tồn, trùng tu di tích	
			Nhóm A*	Nhóm B,C*
Di tích quốc gia và đặc biệt	Thủ tướng Chính phủ	BQL di tích tỉnh/thành phố - Đối với những di tích quan trọng có Ban quản lý riêng trực thuộc UBND tỉnh/thành phố (Huế, Hội An)	Thủ tướng Chính phủ	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố phê duyệt sau khi có văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Di tích quốc gia	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Đối với những di tích có quy mô rộng, phức tạp có thể có BQL liên ngành (Phố cổ Hà Nội)		

* Phân loại công trình đầu tư xây dựng nhóm A, B hoặc C theo quy định của pháp luật về đầu tư

6.2 LUẬT VÀ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN DI SẢN ĐÔ THỊ

Ở Việt Nam, để tiến hành quản lý di sản đô thị, thực thi kế hoạch phát triển đô thị hay đơn giản là phát triển việc xây dựng hay các hoạt động kinh tế, những nhà quản lý di sản, những người lập kế hoạch và những nhà phát triển cần tuân theo những văn bản được liệt kê ở phụ lục 1 và phụ lục 2. Những văn bản và quy định địa phương ở Hà Nội, Huế và Hội An về cơ bản được thiết lập dựa trên những văn bản nhà nước với sự áp dụng phù hợp với mỗi thành phố (xem phụ lục 2). Có 2 văn bản quan trọng quy định về bảo tồn di sản văn hóa.

1. Luật Di sản văn hóa – được Quốc hội ban hành ngày 29/6/2001.
2. Nghị định 92/2002 ND-CP của Chính phủ ngày 11/11/2002 quy định chi tiết thi hành Luật Di sản văn hóa.

Jakarta Kota Tua

Trong những năm 1970, được sự giúp đỡ của quốc tế, các nhà chức trách ở Jakarta Kota Tua đã xây dựng những kế hoạch hành động để bảo vệ khu vực lịch sử của thành phố khi nó phải đối mặt với quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa diễn ra một cách nhanh chóng. Những kế hoạch này kêu gọi việc tái sử dụng sáng tạo những khu di sản – bao gồm các quảng trường, các khu chợ và các viện bảo tàng – mà sẽ trợ giúp cho hoạt động kinh doanh và dẫn đến việc khôi phục những khu vực đó như là những trung tâm thương mại và du lịch. Tất cả ngân quỹ cho những dự án này là từ các nhà tài trợ nước ngoài. Những nỗ lực ban đầu tập trung vào việc bảo tồn và tu bổ những nơi được chọn lựa, bao gồm Kali Bezar, quảng trường Fatahillah và một vài bảo tàng. Sau những nỗ lực bảo tồn và khôi phục ban đầu, Kota Tua phải đối mặt với một số vấn đề. Do toàn bộ ngân quỹ là từ các nhà tài trợ nước ngoài nên không có đủ đầu tư để tiếp tục duy trì việc bảo tồn các khu di sản và để tiến hành bảo tồn các khu vực mới. Hơn thế nữa, việc nâng cấp cơ sở hạ tầng đã cũ kĩ và quá tải đã tiêu tốn rất nhiều ngân sách.

Kota Tua phải đối mặt với những vấn đề về quản lý bởi vì bộ máy quan liêu và những nguồn tài nguyên hạn hẹp. Thiếu đi sự hợp tác giữa các ban ngành chính phủ đã làm cản trở tốc độ và sự hiệu quả trong những nỗ lực bảo tồn di sản. Mặc dù Jakarta Kota được bảo vệ bởi Nghị định của Chính phủ và thực hiện theo những quy tắc bảo tồn quốc tế nhưng những điều luật này vẫn chưa hòa hợp vào cấu trúc luật pháp đang tồn tại. Ở những cấp độ quản lý, có rất ít đường lối chỉ đạo rõ ràng về sự phát triển mới sẽ như thế nào để cho phù hợp hay là một sự hiểu biết rõ ràng về các điều luật bảo tồn được áp dụng như thế nào.

Kota Tua gần đây đã đạt được nhiều hơn những kết quả trong việc bảo tồn, nhưng phần lớn vẫn còn bị sao lãng. Thiếu đi sự quan tâm và những điều kiện nghèo nàn đã làm cho khu vực này không được bảo vệ và khó có thể thu hút một lượng lớn khách du lịch.

Quĩ văn hóa trung tâm (Kandy, Sri Lanka)

Quĩ văn hóa trung tâm (CCF) được thành lập ở Kandy, Sri Lanka năm 1979 được xem như là một kiểu mẫu thành công trong việc quản lí di sản. CCF là một tổ chức có nhiều trung tâm với sự hợp tác giữa các ban ngành Chính phủ, những nhà tư vấn tư nhân và những nhà nghiên cứu ở các trường đại học. CCF thuộc Bộ Văn hóa, nhưng có Bộ trưởng Bộ tài chính và Thủ tướng chính phủ nằm trong ban điều hành. CCF cũng hợp tác với Cục Khảo cổ học có vị trí ngang nhau trong Bộ Văn hóa.

Quản lí với sự trợ giúp của UNESCO, CCF hoạt động tương đối độc lập và lập ngân quỹ riêng. Cùng với việc hỗ trợ kinh phí cho những dự án bảo tồn di sản, tổ chức này đóng một vai trò quan trọng như một người truyền tải thông tin và một nhà quản lí điều phối chung.

Để tăng cường bảo tồn di sản và phát triển ngành du lịch trong khu vực, CCF đóng góp một phần trong đề án vùng tam giác văn hóa, với mục tiêu là nhận diện và phát huy những di sản ở các khu vực lân cận và liên kết chúng trong một kế hoạch du lịch chung.

Thành công của CCF một phần do sự tiếp cận hợp tác của nó. CCF hoạt động với ban ngành chính phủ để đảm bảo rằng những dự án có những nền tảng cơ sở hỗ trợ và những mâu thuẫn về lợi ích và trách nhiệm được giải quyết. CCF cũng có một đội ngũ chuyên môn với nhiều chuyên gia ở nhiều lĩnh vực về di sản và bảo tồn.



Phụ lục 1: Các văn bản pháp luật quốc gia

Di sản đô thị

1. Luật Di sản văn hóa do Quốc hội ban hành ngày 29/6/2001
2. Nghị định 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá.
3. Quyết định 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24/7/20001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ban hành phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.
4. Quyết định 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 6/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin về việc ban hành quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan

1. Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về quy hoạch xây dựng (trong đó điều 30 có quy định thiết kế đô thị)
2. Nghị định 29/2007/NĐ-CP ngày 27/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về quản lý kiến trúc đô thị.

Xây dựng

1. Luật Xây dựng do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2003.
2. Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/1/2005 của Thủ tướng chính phủ ban hành về việc hướng dẫn thực hiện Luật Xây dựng.
3. Thông tư 07/2005/TT-BXD ngày 7/4/2008 do Bộ Xây Dựng ban hành hướng dẫn phương pháp quy đổi chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình tại thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng.
4. Thông tư 04/2007/TTLT-BXD-BCA ngày 7/7/2007 của liên bộ Xây dựng và Công an hướng dẫn phối hợp xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xây dựng.
5. Quyết định 4/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng

Quản lý và sử dụng đất

- 1. Luật Đất đai ngày 26/11/2003 (sửa đổi Luật Đất đai năm 1993, 1998 và 2001)
- 2. Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- 3. Thông tư 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

- 1. Quyết định 747/1997/QĐ-TTG ngày 11/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thời kỳ 1996 - 2010
- 2. Quyết định 1018/1997/QĐ-TTG ngày 29/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn từ nay tới 2010
- 3. Quyết định 10/1998-TTG ngày 23/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020
- 4. Quyết định 148/2004/QĐ-TTG ngày 13/8/2004 do Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt Phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ đến năm 2010 và tầm nhìn 2020
- 5. Quyết định 153/2004/QĐ-TTG ngày 17/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam

Bảo vệ môi trường

- 1. Luật Bảo vệ môi trường do Quốc hội ban hành ngày 27/12/1993, sửa đổi ngày 29/11/2005.
- 2. Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 của chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Nghị định 21/2008/NĐ-CP ngày 28/2/2008 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP

Nhà đất và Bất động sản

- 1. Luật về nhà ở do Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005
- 2. Luật kinh doanh bất động sản do Quốc hội ban hành ngày 29/6/2006

Quảng cáo, biển hiệu

- 1. Pháp lệnh số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16 tháng 11 năm 2001 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc công bố quy định về quảng cáo
- 2. Nghị định 24/2003/ND-CP ngày 13/3/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh bổ sung Pháp lệnh về quảng cáo
- 3. Thông tư 43/2003/TT-BVHTT ngày 16/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin về việc tổ chức và hướng dẫn thực hiện nghị định số 24/2003/ND-CP. Thông tư 79/2005/TT-BVHTT về việc điều chỉnh Thông tư 43/2003/TT-BVHTT

Phụ lục 2: các văn bản pháp luật ở địa phương

Hà Nội

- 1. Quyết định 45/1999/QĐ-UB về việc ban hành “Điều lệ tạm thời về quản lý xây dựng, bảo tồn và tôn tạo khu phố cổ Hà Nội”.
- 2. Quyết định số 108/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/6/1998 về việc điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020
- 3. Quyết định số 96/2000/QĐ-UB ngày 7/11/2000 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, tỷ lệ 1/2000 (phần quy hoạch sử dụng đất và giao thông).
- 4. Quyết định số 10/2001/QĐ-UB ngày 9/3/2001 về việc quy định quảng cáo bằng biển, bảng và băng rôn trên địa bàn thành phố Hà Nội do UBND Thành phố Hà Nội ban hành.

- 5. Quyết định 14/2004/QĐ-BVHTT của Bộ Văn hóa Thông tin về việc xếp hạng di tích quốc gia Di tích lịch sử khu phố cổ Hà Nội.
- 6. Quyết định 79/2007/QĐ-UB ngày 11/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định cấp giấy phép xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội
- 7. Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 16/4/08 quy định quản lý và sử dụng hè phố, lòng đường trên địa bàn thành phố Hà Nội do UBND Thành phố Hà Nội ban hành.
- 8. Quyết định 1399/2006/QĐ-UB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tổng thể của Hà Nội đến năm 2010

Huế

- 1. Quyết định 105/TTg ngày 12/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án Quy hoạch Bảo tồn và phát huy giá trị di tích cổ đô Huế 1996 – 2010
- 2. Nghị quyết 5a/NQCHĐ-HĐND ngày 25/4/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thông qua quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020

Hội An (Quảng Nam)

- 1. Quyết định 50/1999/QĐ-UB ngày 7/9/1999 về Quy chế bảo vệ và sử dụng các di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh thuộc tỉnh Quảng Nam do UBND tỉnh Quảng Nam ban hành.
- 2. Quyết định 2337/2006/QĐ-UB ngày 10/11/2006 của UBND thị xã Hội An về quy chế quản lý, bảo tồn và sử dụng phố cổ Hội An.
- 3. “Hướng dẫn bảo tồn di tích kiến trúc gỗ”, 2003 – Trung tâm quản lý bảo tồn di sản Hội An – UBND thị xã Hội An.
- 4. Quyết định 04/2007/QĐ-UBND ngày 6/4/2007 về quy chế quản lý hoạt động du lịch do UBND thị xã Hội An ban hành.

- 5. Quyết định 148/2005/QĐ-TTg ngày 17/6/2008 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
- 6. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm của tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2006 - 2010.
- 7. Nghị quyết 29/2006/NQ-CP ngày 9/11/2006 về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) tỉnh Quảng Nam do Chính phủ ban hành.

Nguồn

Hội An, Việt Nam

“Thực hiện kế hoạch hành động, Hội An, Việt Nam” - Trần Anh, chủ nhiệm dự án nghiên cứu Hội An 2001.
(http://www.unescobkk.org/fileadmin/user_upload/culture/Tourism/2.pdf)

“Văn hóa, Quản lý di sản và Du lịch – Mô hình hợp tác giữa các bên liên quan” (Culture, Heritage Management and Tourism: Models for Cooperation Among Stakeholders)
(http://www.unescobkk.org/fileadmin/user_upload/culture/Tourism/hoi_an-2.doc)

“Hội An, Việt Nam.” Quỹ Di sản toàn cầu, 2002.
(http://www.globalheritagefund.org/where/hoi_an_scroller.html)

“Bảo tồn các ngôi nhà cổ ở phố cổ Hội An”, 2008. Nhân Dân.
(http://www.vietnamtourism.gov.vn/english/index2.php?option=com_content&do_pdf=1&id=1299)

Hồng Kông, SAR

“Hướng dẫn chỉ đạo và các chuẩn mực quy hoạch Hồng Kông” (Hong Kong Planning Standards and Guidelines), 2006. Bộ kế hoạch – chính phủ Hồng Kông
(http://www.pland.gov.hk/tech_doc/hkpsg/english/ch11/ch11_text.htm#2.background)

“Khu vực hành chính đặc biệt” (Special Administrative Region)
(http://www.pland.gov.hk/tech_doc/hkpsg/english/ch11/ch11_text.htm#2.background)

“Tiêu chuẩn đánh giá tác động của di sản văn hóa” (Criteria for Cultural Heritage Impact Assessment) 2007.
(<http://www.epd.gov.hk/eia/register/study/latest/figure/esb1442006Appendixb.htm>)

Huế, Việt Nam

Kiến trúc của cố đô Huế, Việt Nam – những nét đặc trưng và những ảnh hưởng của kiến trúc thế giới” (Architecture of the Ancient Capital of Hue – Vietnam. National Characteristics and Foreign Influences.) - Phan Thuận An
(<http://www.seasite.niu.edu/Vietnamese/vnculture/culture.htm>)

“Văn hóa và phát triển bền vững khu vực Thái Bình Dương)“Culture and Sustainable Development in the Pacific.” UNESCO Antony Hooper
(http://epress.anu.edu.au/culture_sustainable/mobile_devices/ch13s02.html)

Jakarta, Indonesia

“The Indonesian Town Revisited.” Học viện nghiên cứu Nam Á - Nas, Peter J.M, 2003.
(http://books.google.com.vn/books?id=lyB0mHURvIsC&pg=PA374&lpg=PA374&dq=%22heritage+conservation%22+%2B+jakarta&source=web&ots=O9PO6puMiK&sig=pen_z1jkZgeqFEBN8ZYzNxD6M&hl=en#PPA38,M1)

Gill, Ronald. “Jakarata”
(http://www.international.icomos.org/publications/93sy_tou9.pdf)

Kandy, Sri Lanka

“Sri Lanka: Thành phố linh thiêng của Kandy” (Sri Lanka: Sacred City of Kandy) Tình trạng bảo tồn di sản thế giới khu vực Châu Á Thái Bình Dương. UNESCO, 2000.
(<http://whc.unesco.org/archive/periodicreporting/apa/cycle01/section2/450-summary.pdf>)

“Bảo tồn và quản lý di sản ở thành phố di sản thế giới ở Kandy” (Conservation and heritage management in the World Heritage city of Kandy), Bandaranayake, Senake, 1998.

Hội thảo lần thứ 7 về bảo tồn di sản văn hóa Châu Á.
(<http://www.tobunken.go.jp/~kokusen/ENGLISH/MEETING/SEMINAR/7SEMINAR/bandara.html>)

“Trường hợp nghiên cứu ở Kandy, Sri Lanka”. Hội đồng Kandy, 2001.
(http://www.unescobkk.org/fileadmin/user_upload/culture/Tourism/kandy-2.pdf)

Kathamandu, Nepal

“Chú trọng di sản văn hóa trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương : vai trò của chính quyền thành phố” (Prioritizing Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region: Role of City Governments), Srinivas, Hari, 1999 – Trung tâm nghiên cứu phát triển toàn cầu.
(<http://www.gdrc.org/heritage/heritage-priority.html>)

“Về nhu cầu phát triển đô thị ở Nepal” (Responding to Urban Development Needs in Nepal) - Wernicke, Ulf, 2006.
(http://www2.gtz.de/urbanet/pub/UDLE_Report.pdf)

San Francisco, Mỹ

“Thông tin về quy hoạch cho các chuyên gia về kỹ thuật bảo tồn” (Preservation Technical Specialists Planning Information), 2008
(http://www.sfgov.org/site/planning_index.asp?id=24996)

“Khu vực bảo tồn và lịch sử ở San Francisco” (Historic and Conservation Districts in San Francisco), 2003.
(<http://www.sfgov.org/site/uploadedfiles/planning/preservation/PresBulletin10DISTRICTS.PDF>)

Vancouver, Canada

“Hướng dẫn thiết kế” (Guidelines of Design) - Thành phố Vancouver.
(<http://vancouver.ca/commsvcs/guidelines/C018.pdf>)

“Bảo tồn di sản” (Heritage Preservation) – Thành phố Vancouver
(<http://vancouver.ca/commsvcs/planning/heritage/>)

Các nguồn khác

“Phân tích lợi nhuận và chi phí cho các công trình di sản văn hóa: Nền tảng khái niệm” (Cost Benefit Analysis for the Cultural Build Heritage: The Conceptual Foundation) ICOMOS, 1993.
(<http://www.international.icomos.org/publications/93econom3.pdf>)

“Phân tích lợi nhuận và chi phí và quy chế di sản văn hóa” (Cost Benefit Analysis and Historic Heritage Regulation) - Bogaards, Rod, 2008. Những quy định thực tế (Office of Best Practice Regulation) - Bộ tài chính Úc
(<http://www.finance.gov.au/obpr/docs/wp3-rbogaards-historic-heritage.pdf>)

“Bức tranh dự án: Khuôn khổ dự án lần thứ 6” (Picture Project. Sixth Framework Programme) - UNESCO, 2005.
(http://www.culture-routes.lu/picture/glossaire_list.php3?id_rubrique=17)

“Phát triển bền vững các khu vực lịch sử đô thị trong sự tổng hòa phát triển của thị trấn” (Sustainable development of Urban historical areas through an active Integration within Towns.) Chương trình của EU: Năng lượng, môi trường và phát triển bền vững. Lema and Spiral, 2004.
(http://www.lema.ulg.ac.be/research/suit/Reports/Public/SUIT-2.4_Report.pdf)

“Khuyến khích các hoạt động bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử ở thành phố Los Angeles” (Incentives for the Preservation and Rehabilitation of Historic Homes in the City of Los Angeles) Viện bảo tồn Getty, 2004.
(<http://www.preservation.lacity.org/files/GCI%20%20Incentives%20for%20the%20Preservation%20and%20Rehabilitation%20of%20Historic%20Homes.pdf>)

Hội thảo chuyên đề quốc tế SUIT - Smith, Brian, 2003.
(<http://www.historic.towns.org/documents/downloads/LIEGE890903.pdf>)

“Phát triển bền vững với di sản văn hóa ở SUIT” (Cultural heritage and sustainable development in SUIT), 2002. Chương trình EU: Môi trường và phát triển bền vững.
(http://www.lema.ulg.ac.be/research/Suit/download/SUIT5.2c_PPaper.pdf)

“Hướng dẫn thiết kế”. - Chapel Hill, North Carolina, USA
(http://townhall.townofchapelhill.org/pdfs/Downtown_Design_Guidelines.pdf)

“Hướng dẫn thiết kế” - Thành phố of Galveston, Texas, USA
(http://www.cityofgalveston.org/city_services/pdf/Chapter6.pdf)

“Hướng dẫn thiết kế”. Columbia, USA
(http://www.columbiascgateway.com/content/pdf_PZ/DDRC_Wales_Garden_Guidelines.pdf)

Trường hợp nghiên cứu: Những chiến lược cần thiết cho hiệu quả giáo dục nghệ thuật.
(http://portal.unesco.org/culture/en/files/32005/11599539843annex_roadmap.pdf/annex_roadmap.pdf)

CÁC CÔNG VIỆC CỦA DỰ ÁN DI SẢN

TÊN DỰ ÁN: _____

ĐỊA ĐIỂM: _____

CHỦ DỰ ÁN: _____LIÊN HỆ: _____

Đánh dấu vào những mục liên quan đến dự án. Khi các hoạt động của dự án hoàn thành thì đánh dấu vào cột hoàn thành. Người quản lý dự án nên đưa ra các nhận xét giải thích các vấn đề tồn tại hoặc giải thích mức độ thành công, tác động của công việc.

		Áp dụng	Hoàn thành	Nhận xét
	Ví dụ	có/ không	✓	Nguồn lực có hạn
1	Thu thập thông tin về di tích/di sản	có/ không		
2	Xây dựng danh sách các nguồn tài trợ tiềm năng	có/ không		
3	Xây dựng danh sách những đơn vị đóng góp phi tài chính (ví dụ trường học, các cơ quan chính phủ)	có/ không		
4	Xem xét các luật định liên quan đến di sản	có/ không		
5	Tham vấn các cơ quan chính phủ địa phương	có/ không		
6	Tham vấn người dân địa phương	có/ không		
7	Tham vấn các doanh nghiệp địa phương	có/ không		
8	Chọn cách tiếp cận tối ưu (bị động hay chủ động)	có/ không		
9	Lập khung thời gian	có/ không		
10	Chọn những kiến trúc sư, đơn vị tư vấn và thi công đủ năng lực, phù hợp với việc bảo tồn di sản	có/ không		
11	Hỗ trợ lên kế hoạch xây dựng theo đánh giá tác động đối với di sản HIA	có/ không		
12	Chuẩn bị các tài liệu giới thiệu về dự án cho công chúng và các đơn vị tài trợ, giải thích rõ tầm quan trọng của di sản văn hóa và tương lai của khu vực di sản theo cách nhìn của dự án.	có/ không		
13	Nhận và kiểm tra đánh giá tác động đối với di sản (HIA)described in the HIA	có/ không		
14	Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng	có/ không		
15	Kiểm tra quá trình thi công theo kế hoạch và đảm bảo các chỉ số đánh giá tác động đối với di sản HIA để hoàn thành mục tiêu	có/ không		
16	Phát huy giá trị di sản (ví dụ: gửi thông tin đến các cơ quan báo chí và du lịch)	có/ không		
17	Kết hợp kinh doanh và du lịch tại di sản	có/ không		
18	Đảm bảo những hoạt động mới ở khu vực di sản là phù hợp	có/ không		

Các nhận xét, đánh giá khác

BẢO TỒN DI SẢN TRONG THÀNH PHỐ

Những biện pháp dưới đây là những biện pháp hiệu quả để bảo tồn di sản trong thành phố.

		Rối/ không phù hợp	Chưa	Đã làm nhưng có thể nâng cao
1	Bản điều tra tổng thể về di sản – danh sách các điểm di sản đã được công nhận và chưa được công nhận nhưng thỏa mãn các tiêu chí cùng với những mô tả ngắn gọn về chúng			
2	Cơ sở dữ liệu về di sản bao gồm thông tin về những quá trình phát triển trong quá khứ và những tư liệu lịch sử liên quan đến di sản			
3	Khung kế hoạch bao gồm các mục tiêu di sản – một kế hoạch tổng thể các mục tiêu di sản trong thành phố và các vùng lân cận.			
4	Các luật định địa phương để tiếp cận với di sản địa phương, các đặc trưng của di sản được bảo vệ và hướng dẫn bởi các luật này.			
5	Đánh giá năng lực của kiến trúc sư chuyên ngành di sản – chương trình đào tạo và chứng nhận các kiến trúc sư đủ chất lượng làm việc với di sản, các thước đo để đảm bảo sử dụng nguồn nhân lực thích hợp trong việc bảo tồn tôn tạo các di sản quan trọng.			
6	Một mô hình dự án bảo tồn – một ví dụ được ghi lại đầy đủ và mang lại lợi ích.			
7	Các tài liệu đào tạo và tập huấn cho các cán bộ chính phủ về di sản - đầy đủ thông tin về các luật di sản và hướng dẫn thực hiện tại một thành phố cụ thể. Gói thông tin này bao gồm danh sách các di sản, di tích được công nhận và những thông tin chung về giá trị di sản, di tích đó.			
8	Tài liệu hướng dẫn cơ bản cho chủ sở hữu những ngôi nhà cổ - cung cấp thông tin cho chủ sở hữu di sản về quyền và trách nhiệm của họ.			
9	Hướng dẫn viên du lịch được đào tạo để giới thiệu với du khách về di sản và nên kết hợp vào chương trình đào tạo của các trường học về du lịch, các thông tin về di sản cũng cần được phổ biến rộng rãi.			
10	Các chương trình giáo dục về di sản cho cộng đồng – chương trình học trong nhà trường, các sự kiện trong khu phố... nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích trách nhiệm của cộng đồng đối với di sản và các khu vực cận di sản.			
11	Các chương trình phát triển văn hóa và di sản có thể bao gồm các hoạt động nghệ thuật và sáng tạo. Kết hợp những hoạt động này với các di sản văn hóa sẽ nâng cao sự quan tâm, chú ý và nhận thức về di sản, đồng thời phát triển văn hóa.			
12	Xây dựng quỹ di sản, hoặc một phương thức đóng góp khác cho các hoạt động bảo tồn di sản.			
13	Hình thành một giải thưởng địa phương về di sản, công nhận và tuyên dương các dự án bảo tồn và tôn tạo di sản cũng như những nỗ lực bảo tồn di sản hiệu quả.			

TẦM NHÌN CỦA DỰ ÁN BẢO TỒN

TÊN DỰ ÁN: _____

ĐỊA ĐIỂM: _____

CHỦ DỰ ÁN: _____ LIÊN HỆ: _____

Giá trị di sản	
Cách nhìn nhận cộng đồng	
Mục đích của dự án	
Nhận định của kiến trúc sư	
Nhận xét của các chuyên gia di sản	

Quản lý di sản đô thị ở Việt Nam

Sự chuyển biến mạnh mẽ của những đô thị ở Việt Nam đang là mối đe dọa lớn đến các di sản văn hóa đô thị của quốc gia. Di sản văn hóa đô thị vật thể, bao gồm quần thể các kiến trúc cổ, cũng như những ngôi nhà riêng lẻ, chùa chiền và những di tích khác hiện đang trong tình trạng xuống cấp và có nguy cơ bị phá hủy do các nhà đầu tư, phát triển và chủ sở hữu luôn tìm cách tái đầu tư tài sản trong bối cảnh thị trường đất đai đô thị cạnh tranh cao. Trong khi đó, các di sản đô thị phi vật thể - dưới hình thức những phong tục tập quán, lối sống và buôn bán thương mại cũng đang ngày một mai một do những thay đổi của người dân các khu vực lân cận để thích nghi với đời sống mới và những cách kiếm kế sinh nhai truyền thống cũng co hẹp dần trong quá trình phát triển.

Trong một thập kỷ rưỡi qua, một số các thành phố ở Việt Nam đã có những nỗ lực và thành công đáng kể trong việc xác định và gìn giữ những di sản văn hóa. Những nỗ lực này có thể được coi là điển hình, và là bài học kinh nghiệm cho các thành phố khác của Việt Nam. Tuy vậy, những nỗ lực bảo tồn và phát huy các khu vực lịch sử ở nhiều thành phố vẫn còn thiếu sự phối hợp và quản lý tổng thể hiệu quả.

Để bảo tồn di sản ở Việt Nam, các giá trị của những di sản này cần được công nhận rộng rãi. Điều này phụ thuộc rất lớn vào nhận thức của nhà hoạch định đối với giá trị kinh tế của di sản trong việc làm phục hồi và phát huy một khu vực đô thị.

Bảo tồn di sản đô thị không có nghĩa là đóng băng và ngừng các hoạt động của các khu vực dân cư và các công trình kịp thời để chuyển hóa thành bảo tàng, mà ngược lại có thể là một động thái đa mục tiêu như nỗ lực tôn tạo, tái sử dụng và phát triển đồng thời bảo vệ những giá trị văn hóa của di sản, đảm bảo khu vực di sản hòa hợp với nhu cầu của dân cư và các hoạt động kinh tế.

Tài liệu này được xây dựng với các chuyên gia của Công ty tư vấn giải pháp đô thị Urban Solutions tại Việt Nam và Viện Bảo tồn Di tích. Chúng tôi không có tham vọng cung cấp toàn bộ những bài học thực tế có thể áp dụng được với những thành phố ở Việt Nam trong tài liệu này, nhưng hy vọng rằng với những ví dụ thực tế điển hình, tài liệu này sẽ hỗ trợ đắc lực cho những nhà quản lý đô thị của Việt Nam.



Institute for
Conservation of
Monuments

nuffic

Urban Solutions

